

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thùy Linh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI
NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH SƠN
TRƯỜNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thùy Linh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thùy Linh

Mã SV: 1512401112

Lớp: QT1903K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua,
người bán tại công ty TNHH Sơn Trường.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

✓ Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Sơn Trường,

✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán tại công ty TNHH Sơn Trường nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

✓ Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.

✓ Quy chế, quy định về kế toán - tài chính tại doanh nghiệp

✓ Hệ thống sổ sách kế toán liên quan đến công tác kế toán thanh toán tại công ty TNHH Sơn Trường, sử dụng số liệu năm 2018 phục vụ công tác.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công TNHH Sơn Trường

Địa chỉ : Khu 6 – P.Quán Toan – Q.Hồng Bàng - Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Sơn Trường.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 03 năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 06 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Thùy Linh

ThS. Trần Thị Thanh Phương

Hải Phòng, ngày tháng năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Ths. Trần Thị Thanh Phương
Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Thùy Linh
Chuyên ngành: Kế toán - Kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Sơn Trường
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Sơn Trường

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Có ý thức tự giác trong công việc, nghiêm túc, thẳng thắn và có khả năng tiếp cận với thực tiễn doanh nghiệp
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tế, mạnh dạn đề xuất các phương hướng và giải pháp để hoàn thiện đề tài nghiên cứu.
- Thái độ làm việc nghiêm túc, có khả năng làm việc theo nhóm và làm việc độc lập.
- Tuân thủ đúng yêu cầu và tiến độ thời gian, nội dung nghiên cứu đề tài cho giáo viên hướng dẫn quy định.

2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống báo được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn sản xuất - kinh doanh, có giá trị về mặt lý luận và có tính khả thi trong việc kiện toán công tác kế toán của đơn vị thực tập,
- Những số liệu minh họa trong khóa luận có tính logic trong dòng chảy của số liệu kế toán có độ tin cậy.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán	3
1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua.	5
1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua.	5
1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua	6
1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua	8
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán	13
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán	13
1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán.	1
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán	16
1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.	21
1.4.1. Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán.	21
1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ.	22
1.5. Nhiệm vụ của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán.	24
1.6. Sự cần thiết của kế toán thanh toán với người mua, người bán.	25
1.7. Vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.	25
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH SƠN TRƯỜNG	36
2.1. Khái quát về công ty TNHH Sơn Trường	36
2.1.1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty	37
2.1.2. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động	37
2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy của công ty	38
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty	41
2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Sơn Trường	45
2.2.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Sơn Trường.	45
2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại công ty.	46
2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty.	57

CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH SƠN TRƯỜNG	70
3.1. Đánh giá thực trạng thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Sơn Trường	70
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán	72
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán thanh toán.....	73
3.4. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Sơn Trường.....	73
KẾT LUẬN.....	91
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	92

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua theo TT200/2014/TT-BTC.....	12
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán theo TT200/2014/TT-BTC.....	20
Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức nhật ký chung	27
Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái	29
Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ	31
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ	33
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính	34
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Sơn Trường.....	38
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	42
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung	44
Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH Sơn Trường	47
Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Sơn Trường	57
Sơ đồ 3.1: Sơ đồ trình tự hạch toán dự phòng phải thu khó đòi theo TT200/2014/TT-BTC.....	79
Sơ đồ 3.2: Sơ đồ trình tự hạch toán chiết khấu thanh toán	82

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 1: Hóa đơn GTGT số 0000856.	48
Biểu số 2: Hóa đơn GTGT số 0001250	49
Biểu số 3: Giấy báo có	50
Biểu số 4: Giấy báo có	51
Biểu số 5: Trích sổ nhật ký chung	52
Biểu số 6: Trích sổ cái TK 131	53
Biểu số 7: Trích sổ chi tiết thanh toán với người mua.....	54
Biểu số 8: Trích sổ chi tiết thanh toán với người mua.....	55
Biểu số 9: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người mua	56
Biểu số 10: Hóa đơn GTGT số 0001356.....	59
Biểu số 11: Hóa đơn GTGT số 0002390.....	60
Biểu số 12: Ủy nhiệm chi	61
Biểu số 13: Giấy báo nợ	62
Biểu số 14: Ủy nhiệm chi	63
Biểu số 15: Giấy báo nợ	64
Biểu số 16: Trích sổ nhật ký chung	65
Biểu số 17: Trích sổ cái TK 331	66
Biểu số 18: Trích sổ chi tiết thanh toán với người bán.....	67
Biểu số 19: Trích sổ chi tiết thanh toán với người bán.....	68
Biểu số 20: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người bán	69
Biểu số 21: Báo cáo tình hình công ty	80
Biểu số 22: Trích bảng lập dự phòng phải thu khó đòi	81

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển, hàng loạt các doanh nghiệp đã, đang và sẽ ra đời, hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau. Một doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường thì nhân tố quyết định nhất là vấn đề thanh toán. Đối với bất kì một hợp đồng kinh tế nào thì vấn đề quan tâm đầu tiên đó là việc thanh toán như thế nào, phương thức thanh toán ra sao và liệu khi tham gia vào hợp đồng có đem lại thuận lợi gì cho doanh nghiệp không. Do vậy, mỗi doanh nghiệp cần phải có những hoạt động nhất định nhằm quản lý tốt nhất hoạt động thanh toán để tạo niềm tin cho các đối tác và cải thiện được tình hình tài chính của doanh nghiệp mình.

Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành đã có quy định cụ thể về kế toán thanh toán với người mua và người bán, đồng thời Bộ Tài chính cũng đã ban hành các Thông tư hướng dẫn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khi vận dụng vào thực tế. Tuy vậy, việc vận dụng này còn phụ thuộc vào đặc thù riêng của từng ngành nghề sản xuất kinh doanh do đó đã nảy sinh rất nhiều vấn đề trong việc tổ chức hạch toán kế toán thanh toán với người mua và người bán.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán cùng vốn kiến thức đã được học ở trường, em đã chọn đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Sơn Trường”*** làm đề tài khóa luận. Trong quá trình viết không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý của thầy cô và các bạn để có thể hiểu sâu hơn về nghiệp vụ thanh toán và so sánh thực tế tại công ty với lý thuyết đã được học.

Khóa luận bao gồm: Lời mở đầu, nội dung nghiên cứu và kết luận.

Nội dung nghiên cứu gồm 3 chương:

CHƯƠNG 1: Lý luận chung về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Sơn Trường.

CHƯƠNG 3: Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Sơn Trường.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán

❖ **Khái niệm thanh toán:** Là sự chuyển giao tài sản của một bên (người hoặc công ty, tổ chức) cho bên kia, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

1.1.1. Phương thức thanh toán: Là cách thức thực hiện việc thanh toán của người mua với người bán về các khoản phải thu, phải trả, các khoản vay trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Có hai phương thức thanh toán: Thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm.

- Phương thức thanh toán trực tiếp: Là sau khi nhận được quyền sở hữu về hàng hóa, doanh nghiệp mua hàng thanh toán ngay tiền hàng cho bên bán (thanh toán bằng tiền hoặc hiện vật)

- Phương thức thanh toán trả chậm: Thời điểm thanh toán tiền hàng sẽ diễn ra sau thời điểm ghi nhận quyền sở hữu về hàng hóa. Thông thường doanh nghiệp bán sẽ đặt điều kiện tín dụng cho doanh nghiệp mua trong đó quy định về thời hạn thanh toán cho phép, thời hạn thanh toán được hưởng chiết khấu thanh toán, tỷ lệ chiết khấu thanh toán được hưởng (nếu có).

1.1.2. Hình thức thanh toán: Là tổng thể các quy định về một cách thức trả tiền, là sự liên kết các yếu tố của quá trình thanh toán. Các hình thức cụ thể: gồm hai loại là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

– Thanh toán bằng tiền mặt : hiện nay không được các doanh nghiệp sử dụng nhiều. Thanh toán bằng tiền mặt chủ yếu dùng cho các nghiệp vụ phát sinh số tiền nhỏ (hiện nay áp dụng cho số tiền dưới 20 triệu), nghiệp vụ đơn giản và khoảng cách địa lý giữa hai bên hẹp. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt có thể chia thành:

+ Thanh toán bằng Việt Nam đồng

- + Thanh toán bằng ngoại tệ.
- + Thanh toán bằng hối phiếu ngân hàng
- + Thanh toán bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, hoặc các giấy tờ có giá trị
- Thanh toán không bằng tiền mặt: là hình thức thanh toán được thực hiện bằng cách chuyển khoản hoặc thanh toán bù trừ qua các đơn vị trung gian là ngân hàng.

Hiện nay có 5 hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, đó là: Séc thanh toán, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, thẻ thanh toán, thư tín dụng nội địa

+ Thanh toán bằng Séc: Séc là lệnh trả tiền của người phát hành séc trả cho người thụ hưởng. Trong thời hạn hiệu lực thanh toán của tờ séc, người phát hành séc có nghĩa vụ thanh toán cho người thụ hưởng và phải thanh toán ngay thì người thụ hưởng nộp séc vào Ngân hàng. Séc được áp dụng cho các đơn vị và cá nhân. Séc thanh toán gồm có Séc chuyển khoản, Séc bảo chi, Séc tiền mặt và Séc định mức.

+ Thanh toán bằng uỷ nhiệm chi: Uỷ nhiệm chi là lệnh chi tiền của chủ tài khoản được lập theo mẫu in sẵn của Ngân hàng, yêu cầu Ngân hàng phục vụ mình (nơi mở tài khoản tiền gửi) trích tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.

Uỷ nhiệm chi được dùng để thanh toán các khoản trả tiền hàng, dịch vụ hoặc chuyển tiền trong cùng hệ thống và khác hệ thống Ngân hàng.

+ Thanh toán bằng uỷ nhiệm thu: Uỷ nhiệm thu được áp dụng thanh toán giữa khách hàng mở tài khoản trong một chi nhánh Ngân hàng hoặc các chi nhánh Ngân hàng cùng hệ thống hoặc khác hệ thống. Uỷ nhiệm thu do người thụ hưởng lập gửi vào Ngân hàng phục vụ mình để thu tiền hàng đã giao, hoặc dịch vụ đã cung ứng. Khách hàng mua và bán phải thống nhất thoả thuận dùng hình thức thanh toán uỷ nhiệm thu với những điều kiện thanh toán cụ thể đã ghi trong

hợp đồng kinh tế đồng thời phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng phục vụ người thụ hưởng biết để làm căn cứ thực hiện các uỷ nhiệm thu.

+ Thanh toán bù trừ: Áp dụng trong điều kiện hai tổ chức có quan hệ mua và bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ lẫn nhau. Theo hình thức thanh toán này, định kỳ hai bên phải đối chiếu giữa số tiền được thanh toán và số tiền phải thanh toán với nhau do bù trừ lẫn nhau. Các bên tham gia thanh toán chỉ cần phải chi trả số chênh lệch sau khi đã bù trừ. Việc thanh toán giữa hai bên phải trên cơ sở thỏa thuận rồi lập thành văn bản để làm căn cứ theo dõi.

+ Thanh toán bằng thẻ thanh toán: Thẻ thanh toán do Ngân hàng phát hành và bán cho khách hàng sử dụng để trả tiền hàng hoá, dịch vụ, các khoản thanh toán khác và rút tiền mặt tại các Ngân hàng đại lý thanh toán hay các quầy trả tiền mặt tự động.

+ Thanh toán bằng thư tín dụng: Thư tín dụng được dùng để thanh toán tiền hàng trong điều kiện bên bán đòi hỏi phải có đủ tiền để chi trả ngay và phù hợp với tổng số tiền hàng đã giao theo hợp đồng hoặc đơn đặt hàng đã ký.

1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua.

1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua.

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người mua kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Phải theo dõi chi tiết từng khoản nợ thu theo từng đối tượng khách hàng, thường xuyên đối chiếu, kiểm tra đôn đốc việc thu hồi nợ.
- Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ bán hàng hóa, cung cấp lao vụ dịch vụ trả tiền ngay.
- Cần phải phân loại các khoản thu khách hàng theo thời gian thanh toán cũng như những đối tượng có vấn đề để có kế hoạch và biện pháp thu hồi nợ.
- Đối với khách hàng giao dịch thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán phải kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán, số còn lại phải thanh toán, có xác nhận bằng văn bản.

- Đối với các khoản phải thu có gốc ngoại tệ thì phải theo dõi cả nguyên tệ và quy đổi theo đồng Việt Nam. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo thực tế
- Đối với các khoản phải thu phát sinh bằng vàng, bạc, đá quý cần ghi chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.
- Tuyệt đối không được bù trừ số dư bên nợ và bên có của tài khoản 131 mà phải căn cứ vào số dư chi tiết từng bên để lấy số liệu ghi trên bảng cân đối kế toán.

1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua.

a) Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

b) Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết phải thu khách hàng
- Sổ tổng hợp phải thu khách hàng
- Sổ cái tài khoản 131...

c) Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 131: Phải thu của khách hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐSĐT, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

Kết cấu tài khoản 131: Phải thu của khách hàng

Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> -Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, BĐSĐT, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính; - Số tiền thừa trả lại cho khách hàng; - Đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập BCTC (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá ghi sổ kế toán). 	<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền khách hàng đã trả nợ; - Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng; - Khoản giảm giá hàng bán trừ vào nợ phải thu của khách hàng; - Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT); - Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua; - Đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập BCTC (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá ghi sổ kế toán).
<p>Số dư bên nợ: Số tiền còn phải thu của khách hàng.</p>	<p>Số dư bên có(nếu có): Số tiền nhận trước hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.</p>

Chú ý: Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên "Tài sản" và bên "Nguồn vốn".

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua

❖ Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền (kể các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác), kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:

a) Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi:

Nợ TK 131- Phải thu của khách hàng (tổng giá thanh toán)

Có TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế)

Có TK 333- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

b) Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

❖ Kế toán hàng bán bị khách hàng trả lại:

Nợ TK 5213 - Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, chi tiết cho từng loại thuế)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

❖ Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán

a) Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu, giảm giá (ghi nhận theo doanh thu thuần) và không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá;

b) Trường hợp trên hóa đơn bán hàng chưa thể hiện số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán do khách hàng chưa đủ điều kiện để được hưởng hoặc chưa xác định được số phải chiết khấu, giảm giá thì doanh thu ghi nhận theo giá chưa trừ chiết khấu (doanh thu gộp). Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì kế toán phải ghi nhận riêng khoản chiết khấu giảm giá để định kỳ điều chỉnh giảm doanh thu gộp, ghi:

Nợ TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu (giá chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp

Có TK 131- Phải thu của khách hàng (tổng số tiền giảm giá)

❖ Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

❖ Nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi của số nợ - nếu có), nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,.....

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi).

Trường hợp nhận ứng trước bằng ngoại tệ thì bên Có TK 131 ghi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận tiền ứng trước (tỷ giá mua của ngân hàng nơi thực hiện giao dịch)

❖ Phương pháp kế toán các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng:

a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, kế toán căn cứ vào chứng từ phản ánh doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành (không phải hóa đơn) do nhà thầu tự xác định, ghi:

Nợ TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

c) Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

d) Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay các bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (như sự chậm trễ, sai sót

của khách hàng và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

e) Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

❖ Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương thức hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá nhận trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ Nợ TK 156 - Hàng hóa

Nợ TK 611 - Mua hàng (hàng tồn kho kế toán theo phương pháp KKĐK)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

❖ Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xóa sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xóa nợ, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số chưa lập dự phòng)

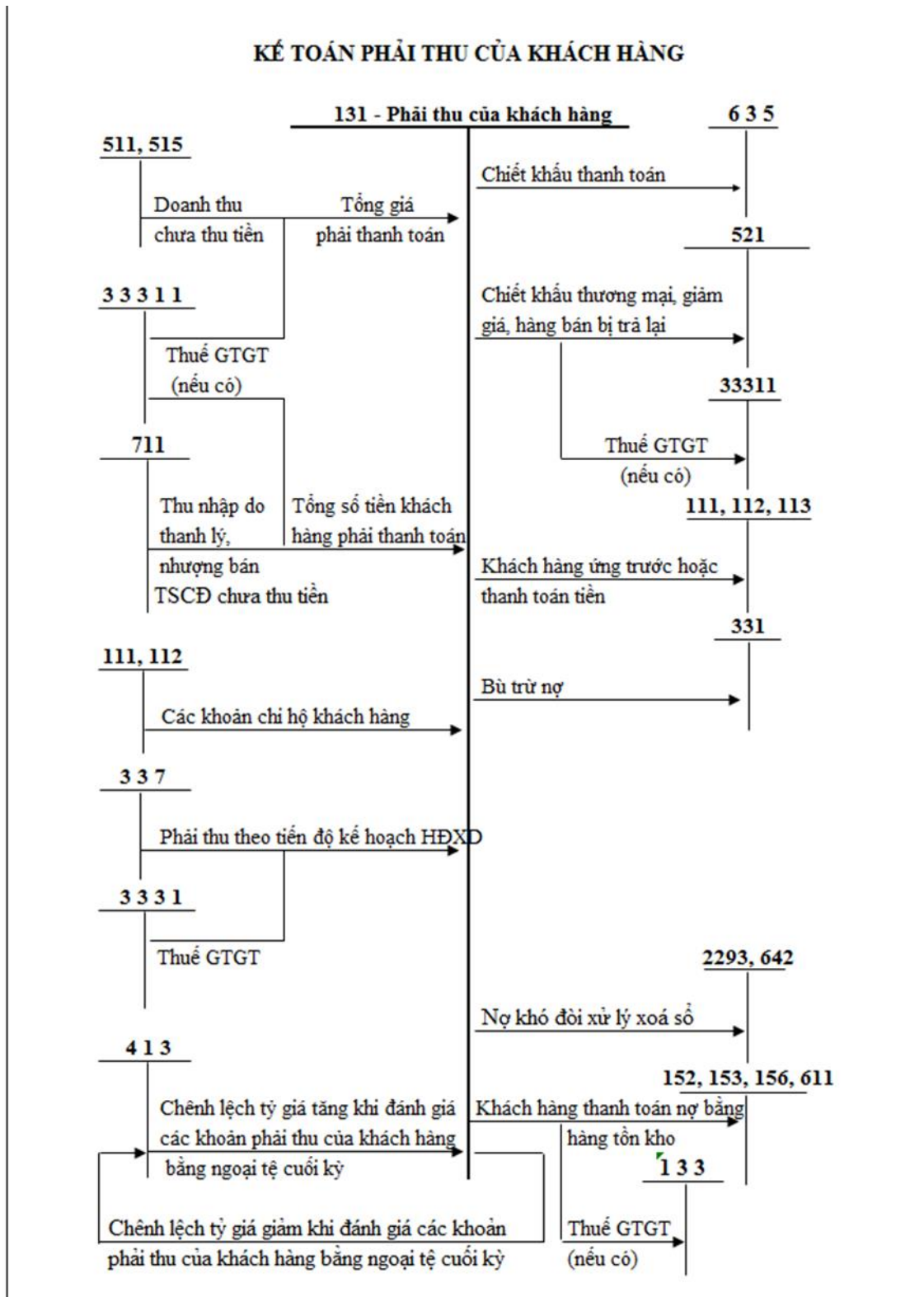
Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

❖ Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua theo TT200/2014/TT-BTC

1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

Phải trả người bán thường xảy ra trong quan hệ mua, bán vật tư, công cụ, dụng cụ, hàng hóa, TSCĐ... Khi doanh nghiệp mua chịu sẽ dẫn đến phát sinh nghiệp vụ thanh toán nợ phải trả, khi doanh nghiệp ứng trước tiền mua hàng cho người bán sẽ dẫn đến nảy sinh một khoản tiền nợ phải thu với người cung cấp. Doanh nghiệp theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo nguyên tệ và theo nguyên tắc:

- Khi thanh toán nợ phải trả người bán bằng ngoại tệ, kế toán phải quy ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đích danh của từng chủ nợ. Trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho nhà thầu hoặc người bán thì bên nợ TK 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước;

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

- Khi phát sinh các khoản phải nợ cho người bán bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

Khi hạch toán chi tiết, kế toán phải hạch toán rõ ràng các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng

Bên giao nhận ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhập khẩu ủy thác như tài khoản phải trả người bán thông thường.

Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn của người bán.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán.

a) Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn mua hàng
- Biên bản kiểm nghiệm
- Phiếu nhập kho
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Biên bản thanh lý hợp đồng
- Các chứng từ liên quan khác

b) Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết
- Sổ nhật ký chung
- Sổ tổng hợp thanh toán với người bán
- Sổ cái TK 331 - phải trả người bán...

c) Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 331- Phải trả cho người bán

Tài khoản này dùng để theo dõi các khoản nợ phải trả cho người cung cấp, người bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ,...

Kết cấu tài khoản 331: phải trả người bán

Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp; - Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao; - Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng; - Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán; - Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán. - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam) 	<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp; - Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức; - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
<p>Số dư bên nợ(nếu có):</p> <p>Phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể.</p>	<p>Số dư bên có:</p> <p>Số tiền còn phải trả cho người bán hàng, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp.</p>

Chú ý: Khi lập Bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán

❖ Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc khi mua TSCĐ:

a). Trường hợp mua trong nội địa, ghi:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213 (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

b). Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

❖ Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

a). Trường hợp mua trong nội địa:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán)

b). Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333- Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

❖ Trường hợp đơn vị có thực hiện đầu tư XD CB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp, hoá đơn khối lượng xây lắp hoàn thành:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241 - XD CB dở dang (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị đầu tư XD CB bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

❖ Khi ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112, 341,...

- Trường hợp phải thanh toán cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

- Trường hợp đã ứng trước tiền cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán ghi nhận giá trị đầu tư XDCB tương ứng với số tiền đã ứng trước theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước. Phần giá trị đầu tư XDCB còn phải thanh toán (sau khi đã trừ đi số tiền ứng trước) được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (tỷ giá giao dịch thực tế)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế thấp hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền)

Có các TK 111, 112,... (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế cao hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền).

❖ Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

❖ Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển hàng hoá, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hóa (1562)

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước

Nợ các TK 623, 627, 641, 642, 635, 811

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

❖ Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

❖ Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 711 - Thu nhập khác.

❖ Đối với nhà thầu chính, khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, căn cứ vào hóa đơn, phiếu giá công trình, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành và hợp đồng giao thầu phụ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

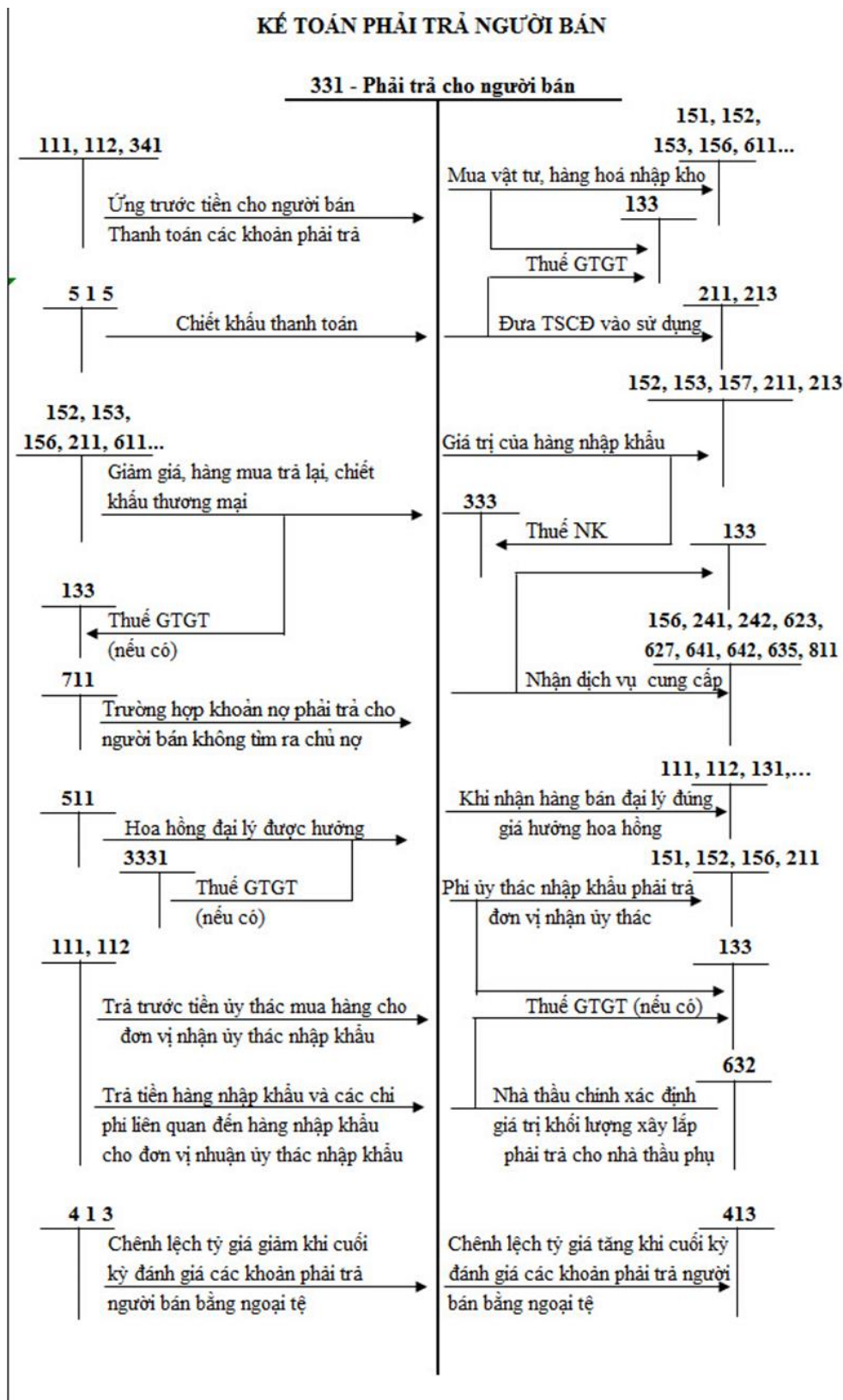
Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng số tiền phải trả cho nhà thầu phụ gồm cả thuế GTGT đầu vào).

❖ Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 152, 153, 156, 611,...



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán theo

TT200/2014/TT-BTC

1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.

1.4.1. Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán.

❖ Tỷ giá là gì? Đó chính là mức giá tại một thời điểm đồng tiền của một quốc gia hay khu vực có thể được chuyển đổi sang đồng tiền của quốc gia hay khu vực khác. Theo đó tỷ giá được tính bằng số đơn vị nội tệ trên một đơn vị ngoại tệ. Khi tỷ giá giảm đồng nghĩa với việc đồng nội tệ lên giá và ngoại tệ giảm giá, ngược lại tỷ giá tăng thì đồng nội tệ giảm còn ngoại tệ sẽ lên giá.

❖ Quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán:

- Khi doanh nghiệp thực hiện giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra một đơn vị tiền tệ thống nhất mà đơn vị mình sử dụng (USD).

Việc quy đổi phải căn cứ vào tỷ giá của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố để ghi sổ.

- Trong kế toán sử dụng loại tỷ giá: tỷ giá giao dịch thực tế, tỷ giá ghi sổ kế toán.

+ Tỷ giá giao dịch hay còn gọi là tỷ giá thực tế (là tỷ giá do ngân hàng nhà nước VN công bố tại thời điểm các nghiệp vụ kinh tế phát sinh), tỷ giá này được sử dụng khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới doanh thu, chi phí hàng tồn kho, TSCĐ, khi tăng tiền mặt, tiền gửi hoặc ghi tăng công nợ là ngoại tệ.

+ Tỷ giá ghi sổ gồm: Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động (tỷ giá bình quân gia quyền sau từng lần nhập).

- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ

sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

Cuối năm tài chính, kế toán phải tiến hành đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đó.

1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ.

a) Tài khoản sử dụng:

- TK 131 – Phải thu khách hàng
- TK 331 – Phải trả người bán
- TK 635 – Chi phí tài chính (Trường hợp lỗ tỷ giá)
- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Trường hợp lãi tỷ giá)

Cuối kì hạch toán, kế toán điều chỉnh tỷ giá số dư phải thu và gốc phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

b) Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua có liên quan đến ngoại tệ

- Tại thời điểm ghi doanh thu và khách hàng nhận nợ dựa vào tỷ giá thực tế hiện hành, kế toán ghi:

Nợ TK 131: Phải thu khách hàng (tỷ giá thực tế)

Có TK 511: Doanh thu bán hàng

Có TK 3331: Thuế VAT phải nộp

- Khi tiền thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ:

+ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, kế toán ghi:

Nợ TK 111 (1112), 112 (1122): Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá thực tế)

Nợ TK 635: Chi phí tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 131: Tỷ giá ghi sổ kế toán (tỷ giá nhận nợ)

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái khi thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 111 (1112), 112 (1122): Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch (tỷ giá thực tế)

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối đoái)

Có TK 131: Tỷ giá ghi sổ kế toán (tỷ giá nhận nợ)

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

Cuối năm tài chính kế toán phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đó.

c) Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán có liên quan đến ngoại tệ.

- Khi phát sinh các khoản công nợ đối với người bán thì phải theo dõi cả số nguyên tệ phát sinh

Nợ TK 152,153,156, 211: Tỷ giá thực tế

Nợ TK 133: Thuế GTGT

Có TK 331: Phải trả cho người bán (tỷ giá thực tế)

- Khi thanh toán:

+ Nếu lỗ tỷ giá:

Nợ TK 331: Tỷ giá ghi nhận nợ (tỷ giá ghi sổ)

Nợ TK 635: Chênh lệch giữa tỷ giá thực tế với tỷ giá ghi sổ

Có TK 111, 112: Số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế

+ Nếu lãi tỷ giá:

Nợ TK 331: Tỷ giá ghi sổ

Có TK 111, 112: Số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế thanh toán

Có TK 515: Nếu lãi về tỷ giá hối đoái

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

Cuối năm tài chính kế toán phải tiến hành đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đó

1.5. Nhiệm vụ của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán.

Kế toán phải theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải thu, phải trả, từng khoản phải thu, phải trả từng đơn đặt hàng và từng lần thanh toán.

Mọi khoản nợ phải thu, nợ phải trả của đơn vị đều phải được kế toán ghi chi tiết theo từng đối tượng, từng nghiệp vụ thanh toán. Số nợ phải thu, phải trả của đơn vị trên tài khoản tổng hợp phải bằng tổng số nợ phải thu, phải trả trên tài khoản chi tiết của các con nợ, chủ nợ.

Các khoản nợ phải thu, phải trả của đơn vị bằng vàng, bạc, đá quý phải được kế toán chi tiết cho từng con nợ, từng chủ nợ theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị.

Trong kế toán chi tiết, kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ để có biện pháp thu hồi nợ kịp thời.

Thanh toán kịp thời, đúng hạn cho các công nợ cho các chủ nợ, tránh gây ra tình trạng dây dưa kéo dài thời hạn trả nợ.

1.6. Sự cần thiết của kế toán thanh toán với người mua, người bán.

Nghiệp vụ thanh toán được hình thành là do sự chiếm dụng vốn lẫn nhau giữa các tổ chức, cá nhân. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp có quan hệ thanh toán với rất nhiều các tổ chức, cá nhân khác nhau.

Quan hệ thanh toán là yếu tố quan trọng trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp và là cơ sở cho công tác quản lý doanh nghiệp.

Việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán chi tiết theo đối tượng, thời gian và tình hình thanh toán sẽ cung cấp cho nhà quản lý các thông tin cần thiết cho quản lý tài chính. Thông qua các thông tin này, các nhà quản trị sẽ nắm được tình hình thanh toán của các doanh nghiệp để từ đó đưa ra các chính sách thu hồi nợ, thanh toán nợ và cân đối tài chính DN giữa vốn chiếm dụng và vốn bị chiếm dụng sao cho hợp lý.

Quan hệ thanh toán thúc đẩy mối quan hệ mua – bán giữa các doanh nghiệp ngày càng phát triển tốt đẹp, việc thanh toán của doanh nghiệp diễn ra đúng hạn và đầy đủ sẽ tạo niềm tin cho các đối tượng trong quan hệ làm ăn.

Với những lí do trên, em thấy được sự cần thiết của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong bất cứ một doanh nghiệp nào. Quản lý tốt quan hệ này sẽ giúp doanh nghiệp đảm bảo tình hình tài chính của mình luôn ổn định và đạt hiệu quả cao trong kinh doanh.

1.7. Vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC được ban hành ngày 22/12/2014, có hiệu lực từ 05/02/2015, áp dụng cho những năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày

01/01/2015, doanh nghiệp được xây dựng biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch, đầy đủ.

Để tiến hành ghi chép sổ sách, kế toán tại doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các hình thức kế toán.

❖ Các hình thức sổ kế toán:

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký - Chứng từ
- Hình thức Kế toán máy

1.7.1. Kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký chung

Hình thức Sổ Nhật ký chung phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp. Theo hình thức sổ này, tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào Sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào sổ Cái.

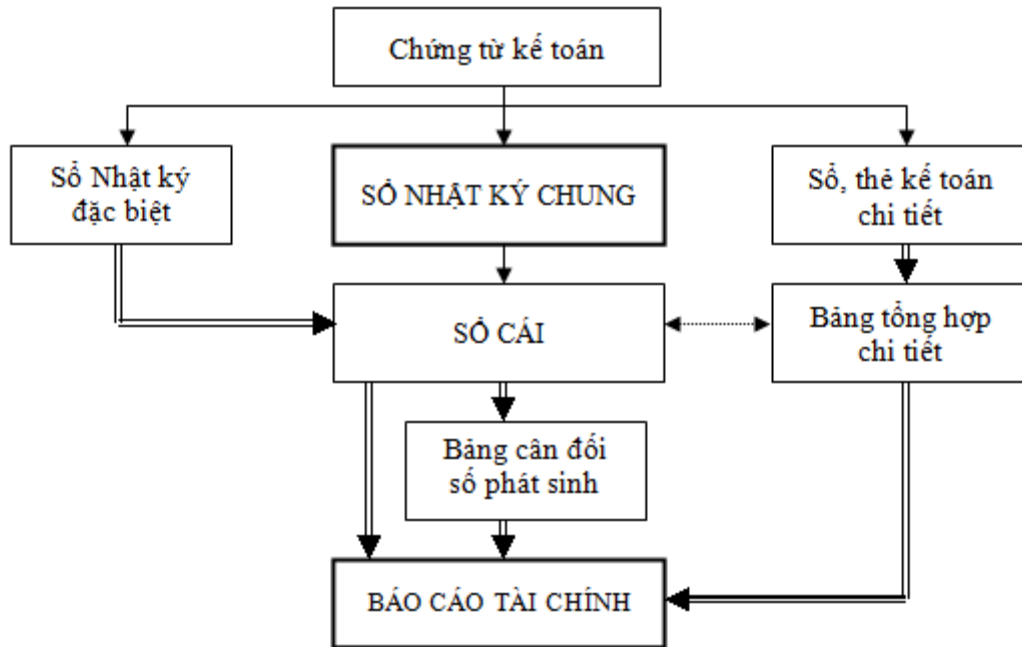
Ngoài Nhật ký chung, để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ Nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức nhật ký chung

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

- *Hàng ngày:*

Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- *Cuối tháng, cuối quý, cuối năm:*

Cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về

nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

1.7.2. Kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi sổ vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

➤ **Sổ sách chủ yếu:**

- Nhật ký - Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

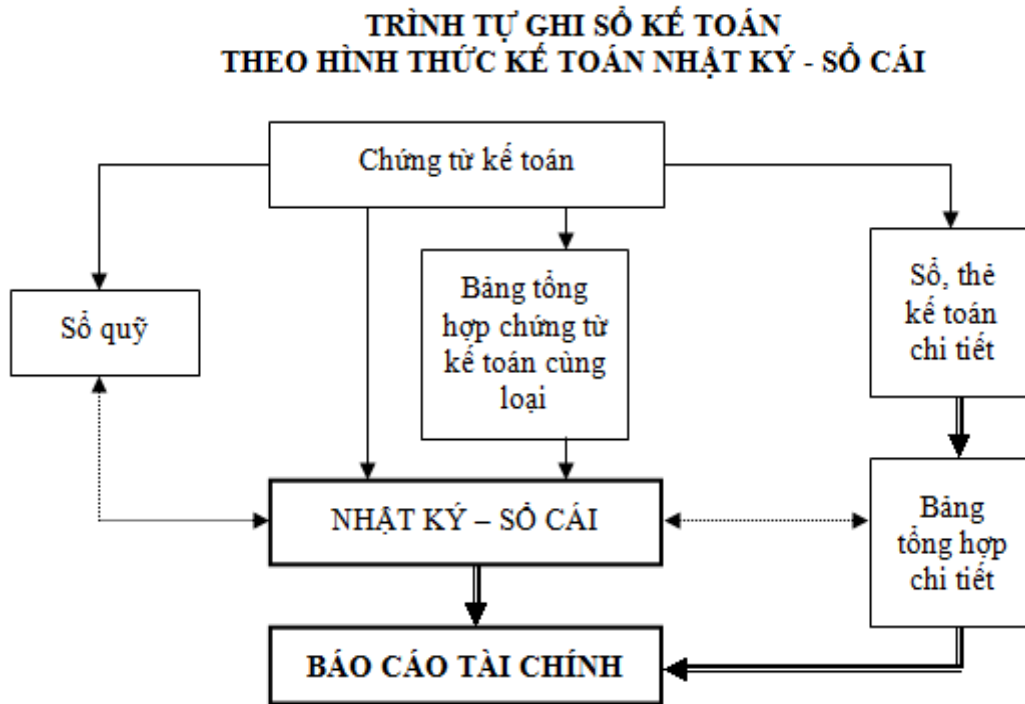
➤ **Ưu điểm**

- Số lượng ít, mẫu số đơn giản dễ ghi chép.
- Việc kiểm tra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ Tổng hợp Nhật ký - Sổ cái.

➤ **Nhược điểm**

- Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán
- Khó thực hiện đối với doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn phát sinh nhiều tài khoản.

Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng →
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

- Công việc hàng ngày:
 - Kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ được ghi trên một dòng của cả hai phần Nhật ký và phần sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại phát sinh nhiều lần trong cùng một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.
 - Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký - Sổ cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Công việc cuối tháng:

Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán trong tháng vào sổ Nhật ký - Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột nợ, cột có trong từng tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng của từng khoản trên Nhật ký – Sổ cái.

1.7.3. Kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

→ Chứng từ ghi sổ do kế toán lập dựa trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

→ Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

➤ Sổ sách chủ yếu:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái; - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;

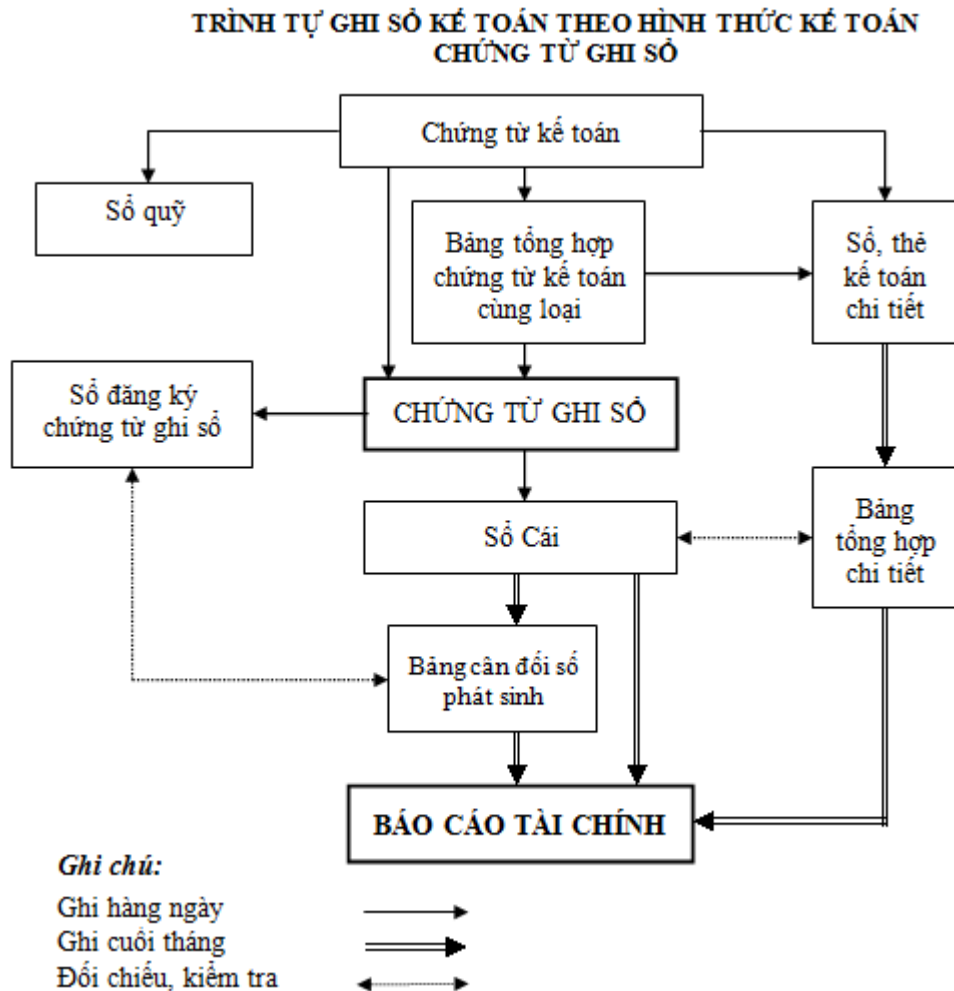
➤ Ưu điểm

Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán

➤ Nhược điểm

- Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp.
- Việc thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện cuối tháng vì vậy cung cấp thông tin thường chậm.

Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết

1.7.4. Kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính

➤ *Sổ sách chủ yếu:*

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

➤ *Ưu điểm*

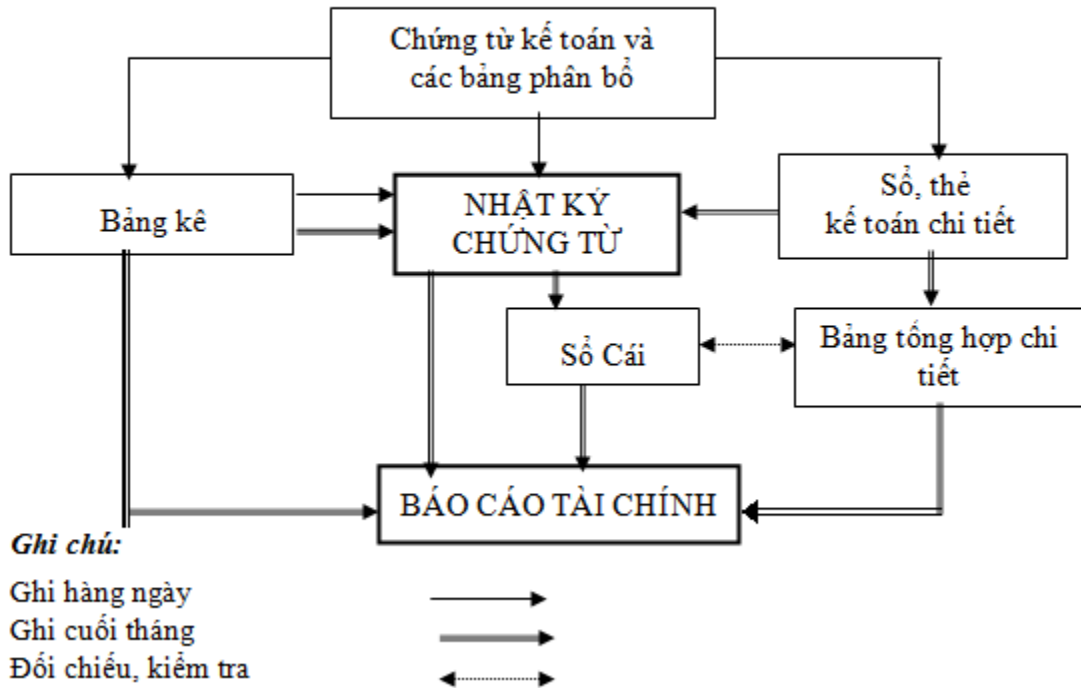
Giảm nhẹ khối lượng ghi sổ kế toán. Việc kiểm tra đối chiếu được thực hiện thường xuyên, cung cấp thông tin kịp thời.

➤ *Nhược điểm*

Mẫu sổ kế toán phức tạp, yêu cầu trình độ cao với mỗi kế toán viên. Không thuận tiện cho việc ứng dụng tin học vào ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ - CHỨNG TỪ



- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh nhiều lần mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan. Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

- Cuối tháng khóa sổ: Cộng số liệu trên các Nhật ký - chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi vào trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng

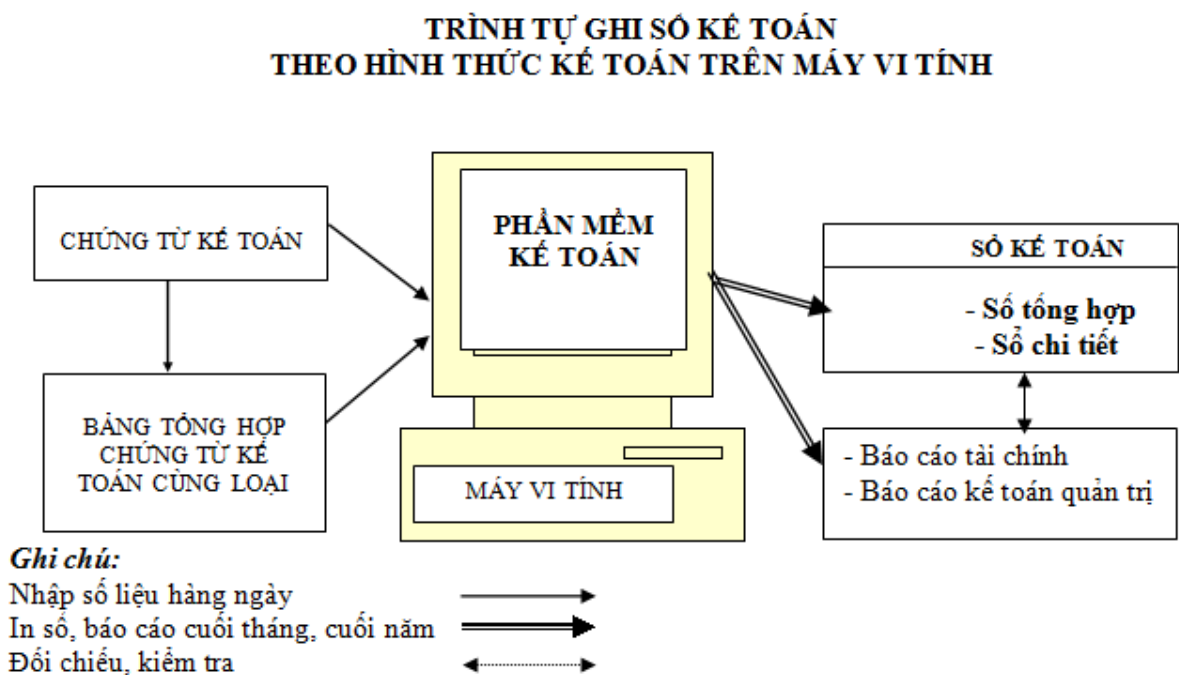
tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với sổ cái. Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số sổ chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

1.7.5. Kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính



- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác

định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

- Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

- Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH SƠN TRƯỜNG

2.1. Khái quát về công ty TNHH Sơn Trường

Tên công ty : CÔNG TY TNHH SƠN TRƯỜNG

Mã số thuế : 0200414696

Tên giao dịch : SON TRUONG CO.,LTD

Giấy phép kinh doanh : 09/06/2011

Ngày thành lập : 01/01/1991

Điện thoại : (0225)3850024 – (0225)3850888

Địa chỉ : Khu 6 – P.Quán Toan – Q.Hồng Bàng - Hải Phòng

Quá trình hình thành của công ty có thể chia làm 3 giai đoạn chính như sau:

Giai đoạn 1: Từ 1991 đến 2000

Sau một thời gian bố trí sắp xếp và đào tạo nhân lực thì tháng 3 năm 1991 công ty chính thức đi vào sản xuất, là một trong những doanh nghiệp tư nhân đầu tiên của thành phố Hải Phòng. Giai đoạn đầu sản xuất, quy mô công ty còn nhỏ, với tổng số hơn 100 cán bộ công nhân viên và 2 xưởng sản xuất. Sản phẩm làm ra chưa đa dạng về chủng loại .

Giai đoạn 2: Từ 2001 đến 2009

Cùng với sự nỗ lực của ban giám đốc và cán bộ công nhân viên, quy mô công ty được mở rộng, tăng gấp 3 so với giai đoạn đầu. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng khá hơn, tốc độ phát triển nhanh, giải quyết công ăn việc làm cho hơn 300 người lao động. Công ty Sơn Trường có đội ngũ cán bộ quản lý kỹ thuật và công nhân lành nghề với khả năng tiếp cận công nghệ mới.

Năm 2009, Công ty TNHH Sơn Trường, được xếp hạng là 1 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Từ năm 2009, Sơn Trường đã xây dựng và áp dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Giai đoạn 3: Từ 2010 đến nay

Sau nhiều năm phát triển công ty TNHH Sơn Trường đã có hệ thống 3 nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, 1 nhà máy bê tông thương phẩm và 1 nhà máy cơ khí tổng hợp. Năm 2010, Sơn Trường cũng đưa Quy trình quản lý 5S của Nhật Bản - mô hình quản lý tiên tiến được các công ty hàng đầu thế giới áp dụng thành công - vào toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Năm 2011, công ty TNHH Sơn Trường đạt dc danh hiệu: ” Doanh nghiệp Việt Nam Vàng”, năm 2015 :” Biểu tượng Vàng vì sự phát triển doanh nghiệp và doanh nhân Việt Nam”.. Trong những năm qua, thương hiệu Sơn Trường đã được khẳng định tại nhiều dự án lớn, đặc biệt các dự án có vốn đầu tư nước ngoài như Nhật Bản , Hàn Quốc, Mỹ, EU...

2.1.1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

Công ty TNHH Sơn Trường là công ty chuyên sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực từ D300 tới D1000, cọc vuông dự ứng lực từ 200x200 tới 600x600mm và thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông và thủy lợi...

2.1.2. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động

Trong quá trình hoạt động của mình công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

- *Thuận lợi:*

+ Về mặt tài chính: Công ty có tiềm lực kinh tế mạnh, có mức độc lập và sự tự chủ về mặt tài chính cao, bên cạnh đó luôn có sự hỗ trợ, phối hợp tối đa của các đơn vị thành viên và các đối tác trong kinh doanh.

+ Về mặt nhân sự: có sự hỗ trợ tích cực của cán bộ công nhân viên trong Công ty là những người có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí công tác, đặc biệt là từ Hội đồng quản trị đã có những định hướng đóng đẫn cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

+ Về mặt thị trường: ngoài những mảng thị trường có sẵn, Công ty luôn liên tục đi sâu nghiên cứu, khai thác những mảng thị trường tiềm năng khác trong khi các nhà đầu tư khác chưa để ý tới, mở rộng.

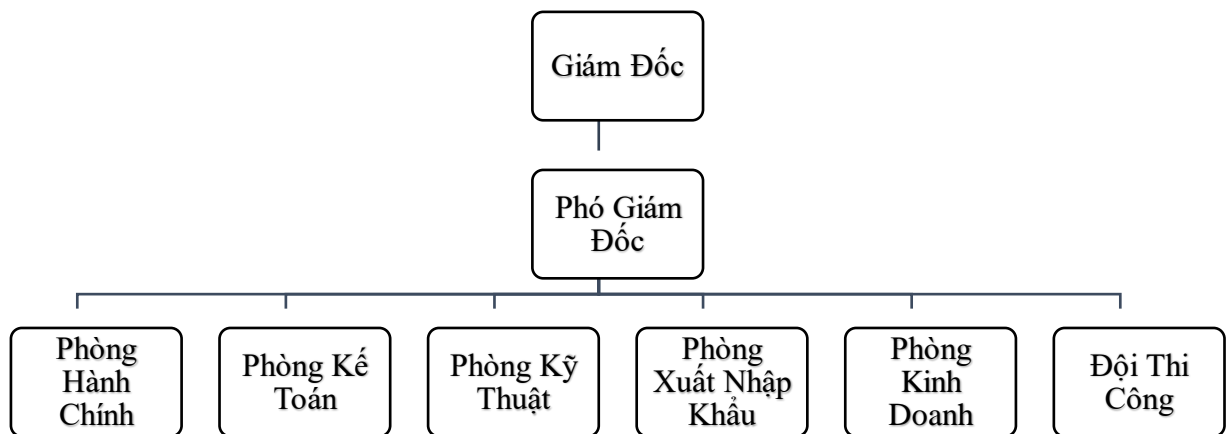
- *Khó khăn:*

+ Chi phí vận chuyển: thay đổi thường xuyên do Nhà nước điều chỉnh giá xăng dầu, cầu đường nên việc điều chỉnh giá thiết bị, dịch vụ theo tương ứng còn gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng đến lợi nhuận.

+ Về cơ sở vật chất: điều kiện tại các bãi chứa chưa thực sự tốt, phương tiện hỗ trợ máy móc thiết bị hư hỏng làm ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ đồng thời cũng làm ảnh hưởng đến doanh thu.

2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy của công ty

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Sơn Trường



***Chức năng của từng phòng ban:**

- **Giám đốc :**

+ Bao quát toàn bộ các hoạt động trong công ty từ nhập khẩu đến phân phối hàng hóa, bán hàng và kết quả kinh doanh.

+ Chuẩn bị kế hoạch hoạt động của công ty cả năm để Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt. Ký kết hợp đồng, đơn hàng mua - bán hàng hóa của công ty.

+ Chịu trách nhiệm trước pháp luật và tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty, phê duyệt toàn bộ các chính sách, mục tiêu chất lượng.

- + Thực hiện hiện xem xét những tồn tại và phương pháp giải quyết.
- + Thực hiện quản lý hành chính đối với công tác tổ chức hành chính.

- ***Phó giám đốc :***

- + Phụ trách thương mại và kế toán công ty.
- + Thực hiện việc nghiên cứu chiến lược thị trường và định hướng xuất nhập khẩu.
- + Chỉ đạo các hoạt động về tổ chức tài chính và hạch toán kế toán của công ty.
- + Chỉ đạo và tổ chức sản xuất.
- + Phụ trách sản xuất và chuẩn bị sản xuất hàng ngày của công ty.
- + Chỉ đạo lập và phê duyệt các kế toán sản xuất và cung ứng vật tư kỹ thuật ngắn hạn cho sản xuất và lập các báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất định kỳ cho tổng giám đốc.

- ***Phòng hành chính :***

Là phòng có nghiệp vụ tham mưu cho giám đốc các công việc hành chính, cụ thể như sau:

- + Quản lý ,bảo dưỡng, duy trì và đề xuất kế hoạch khai thác có hiệu quả cơ sở hạ tầng trang thiết bị của công ty như: trang thiết bị nội thất, thiết bị văn phòng, thiết bị thông tin liên lạc: lập kế hoạch mua sắm, thay thế các trang thiết bị.
- + Quản lý văn thư lưu trữ tổng hợp: tiếp nhận phân loại các văn bản đến và đi, tham mưu cho ban giám đốc xử lý các văn bản hành chính nhanh chóng, kịp thời quản lý con dấu, chữ ký theo quy định, cấp giấy giới thiệu, giấy công tác cho công ty ban hành và văn bản của cấp trên theo quy định của giám đốc công ty.
- + Quan hệ với các cơ quan chức năng địa phương để giúp cho hoạt động kinh doanh của công ty thuận lợi hơn.

Như vậy, công ty có một hệ thống tổ chức các phòng ban tương đối chặt chẽ, phối hợp hoạt động khá nhịp nhàng và hoạt động có hiệu quả giúp cho quá trình phát triển của công ty.

- ***Phòng kế toán:***

- + Chỉ đạo hệ thống kế toán thống nhất trong toàn công ty.
- + Thực hiện lệnh thu chi hàng ngày theo quy định của công ty giám sát công nợ, và chi tiêu trong hoạt động mua bán.
- + Công tác thu hồi vốn theo kế hoạch lập.
- + Lập các báo cáo tài chính kế toán định kỳ: báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch giá thành, kế hoạch tài chính.
- + Chủ trì lập các báo cáo tài chính, giải trình kinh tế kỹ thuật để vay vốn ngân hàng và các tổ chức cho vay khác.

- ***Phòng kỹ thuật :***

- + Theo dõi công nghệ.
- + Theo dõi máy móc công nghệ.
- + Nghiên cứu chế thử.
- + Sản xuất an toàn và hiệu quả sản phẩm trên dây chuyền sản xuất của kinh doanh vào kế hoạch kinh doanh định kì.
- + Nghiên cứu đề xuất các giải pháp, các phương án kỹ thuật để không ngừng cải tiến nâng cao năng suất lao động, tăng sản lượng và giảm tiêu hao vật chất
- + Thực hiện các công tác chuẩn bị sản xuất và bảo trì thiết bị hàng ngày và định kỳ
- + Dự trù các vật tư kỹ thuật cần thiết cho sản xuất để chuyển kế hoạch kinh doanh vào kế hoạch kinh doanh định kỳ.

- ***Phòng xuất nhập khẩu :***

- + Thực hiện các hoạt động giao dịch, đàm phán, ký kết hợp đồng với khách hàng và nhà cung cấp...
- + Hoàn tất các thủ tục và chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa như: Hợp đồng mua bán, bộ chứng từ vận chuyển, bộ chứng từ xuất nhập khẩu, các thủ tục thanh toán, các thủ tục giao nhận hàng hóa
- + Kết hợp cùng với kế toán, thực hiện các hoạt động mở L/C, làm các bảo lãnh ngân hàng.

- + Tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu, hồ sơ hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu với số lượng thực tế tại cửa khẩu trong quá trình làm hồ sơ thông quan hàng hóa.
- + Quản lý, theo dõi các đơn hàng, hợp đồng. Phối hợp với các bộ phận có liên quan để đảm bảo đúng tiến độ giao hàng cũng như nhận hàng.
- + Thực hiện việc tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường xuất khẩu theo chiến lược công ty đã đề ra
- + Thường xuyên liên lạc, chăm sóc và duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng và nhà cung cấp. Thu thập và đánh giá thông tin phản hồi từ khách hàng, thị trường, đối thủ cạnh tranh.
- + Tham mưu cho Trưởng phòng kinh doanh chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu đồng thời Lập báo cáo nội bộ và báo cáo với các cơ quan nhà nước có liên quan...

- ***Phòng kinh doanh :***

- + Lập các kế hoạch định kỳ, các báo cáo về nhu cầu mua hàng, tình hình cung ứng vật tư kỹ thuật.
- + Quản lý các kho hàng và các hoạt động xuất nhập hàng hóa hàng ngày theo quy định chịu trách nhiệm quản lý các tài sản thuộc phạm vi trách nhiệm của phòng.
- + Thu thập các thông tin về tình hình thị trường và dự báo tình hình thị trường để lập các kế hoạch sản xuất định kỳ.

- ***Các đội thi công :***

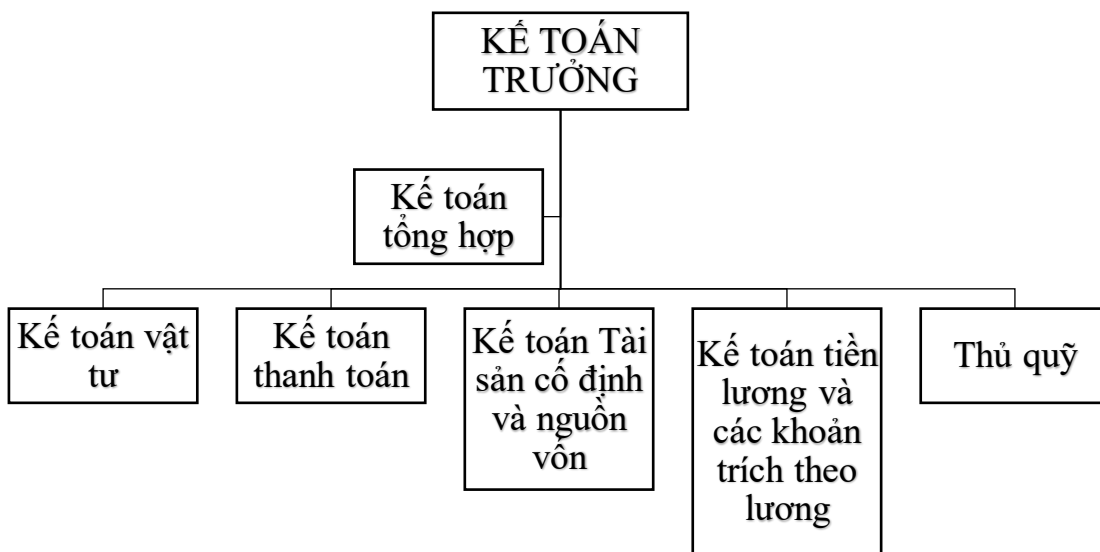
- + Sản xuất an toàn và hiệu quả sản phẩm trên dây chuyền sản xuất của và định kỳ
- + Thực hiện các công tác chuẩn bị sản xuất và bảo trì thiết bị hàng ngày công ty theo kế hoạch được giao.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty

2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty



- **Kế toán trưởng:** là người tổ chức điều hành mọi hoạt động trong phòng kế toán, chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Tổ chức thông tin và tư vấn cho ban quản trị doanh nghiệp các thông tin về tài chính.
- **Kế toán tổng hợp:** giúp việc cho trưởng phòng, thay mặt trưởng phòng giải quyết các công việc khi trưởng phòng đi vắng cùng chịu trách nhiệm với trưởng phòng các phần việc công; là người chịu trách nhiệm tổng hợp số liệu từ các bộ phận kế toán và thực hiện công tác kế toán cuối kì.
- **Kế toán vật tư:** có nhiệm vụ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp thẻ song song, cuối tháng kế toán vật tư tổng hợp số liệu, lập Bảng kê nhập xuất tồn và nộp báo cáo cho bộ phận kế toán tính giá thành. Khi có yêu cầu kế toán vật tư và các bộ phận chức năng khác tiến hành

kiểm kê lại vật tư, đối chiếu với sổ kế toán, nếu có thiếu hụt sẽ tìm nguyên nhân và biện pháp xử lý, lập Biên bản kiểm kê

- **Kế toán thanh toán:** có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ gốc, viết phiếu thu chi trên cơ sở đó theo dõi các khoản thu chi bằng tiền phát sinh trong ngày, có nhiệm vụ giao dịch với ngân hàng thực hiện các khoản vay ngắn hạn và trung hạn. Hàng tháng lập bảng kê tổng hợp séc và sổ chi tiết rồi đối chiếu với sổ sách thủ quỹ, sổ phụ ngân hàng; lập kế hoạch tiền mặt gửi lên cho ngân hàng có quan hệ giao dịch

- **Kế toán Tài sản cố định và nguồn vốn:** chịu trách nhiệm phân loại, theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định của Công ty, tính khấu hao theo phương pháp tuyến tính; theo dõi các nguồn vốn và các quỹ của Công ty

- **Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:** có nhiệm vụ tính lương và các khoản trích theo lương cho cán bộ công nhân viên Công ty. Hàng tháng, căn cứ vào sản lượng của các xí nghiệp và đơn giá lương, hệ số lương, đồng thời nhận các bảng thanh toán lương do các nhân viên thống kê ở các xí nghiệp gửi lên, kế toán tổng hợp số liệu, lập Bảng tổng hợp thanh toán lương.

- **Thủ quỹ:** người kiểm soát toàn bộ hoạt động thu chi phát sinh trong doanh nghiệp như kiểm tra phiếu Thu, phiếu Chi, ký xác nhận, giao các liên, tạm ứng, ... Thủ quỹ quản lý, lưu trữ toàn bộ giấy tờ liên quan khác trong quá trình này.

2.1.4.2. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

- *Hình thức kế toán:*

Công ty áp dụng hình thức kế toán: theo hình thức Nhật ký chung

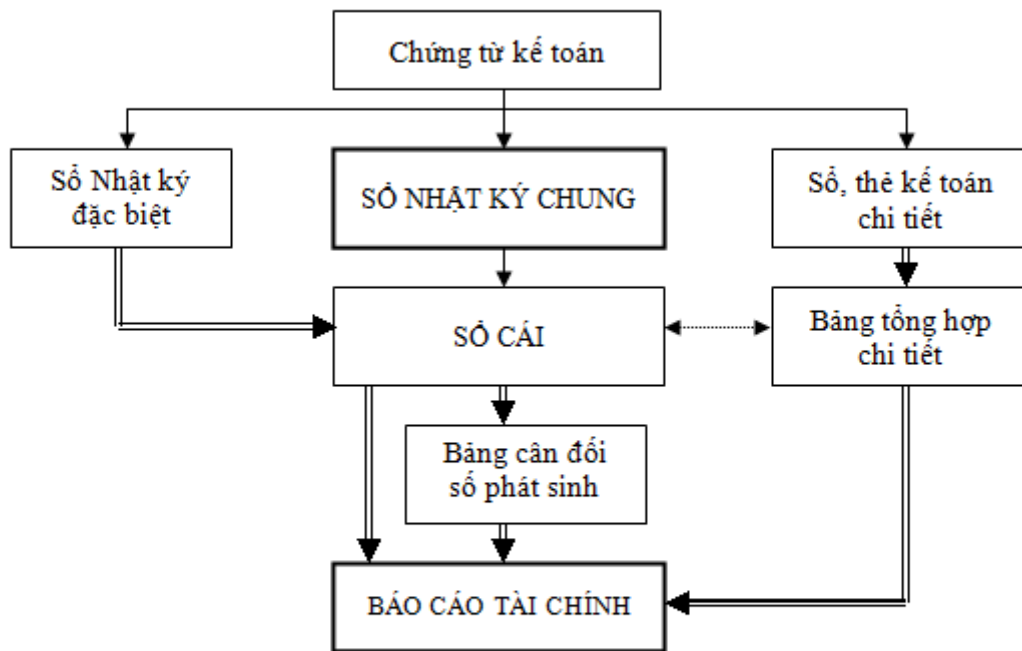
- ❖ Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài Chính ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

- ❖ Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ

- ❖ Phương pháp khấu hao TSCD: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng
- ❖ Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp nhập trước xuất trước
- ❖ Phương pháp kế toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên
- ❖ Công ty sử dụng VND là loại tiền chính để hạch toán

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

- *Hàng ngày:*

Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- *Cuối tháng, cuối quý, cuối năm:*

Cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số

phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

Theo nguyên tắc: Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung.

2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Sơn Trường

2.2.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Sơn Trường.

Quan hệ thanh toán được hiểu là một quan hệ kinh doanh xảy ra khi doanh nghiệp có quan hệ mua bán và có sự trao đổi về một khoản vay nợ tiền vốn cho kinh doanh.

- ***Phương thức thanh toán áp dụng tại công ty TNHH Sơn Trường:***

Tại công ty TNHH Sơn Trường hiện đang sử dụng hai phương pháp thanh toán: thanh toán trả ngay và thanh toán chậm trả;

- ❖ Phương thức thanh toán ngay: Đây là phương thức thanh toán do bên mua thanh toán ngay cho người bán sau khi nhận được hàng. Phương thức thanh toán trực tiếp này có thể thanh toán bằng tiền mặt hay chuyển khoản

- ❖ Phương thức thanh toán chậm trả: Đây là phương thức thanh toán khi mà doanh nghiệp đã giao hàng cho người mua nhưng chưa được thanh toán. Thời gian địa điểm thanh toán được qui định trong hợp đồng, việc thanh toán chậm trả có thể sẽ được thực hiện theo điều kiện tín dụng ưu đãi như thỏa thuận trong hợp đồng.

- ***Hình thức thanh toán áp dụng tại Công ty TNHH Sơn Trường:***

Hình thức thanh toán được áp dụng tại công ty TNHH Sơn Trường là: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán bằng chuyển khoản .

- *Đối với người mua hàng:* Sản phẩm chủ yếu của Công ty Sơn Trường là từ việc bán thép xây dựng, xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông và thủy lợi... nên hình thức thanh toán của Công ty là thanh toán bằng chuyển khoản

- *Đối với người bán hàng:* Công ty thanh toán ngay cho những nhà cung cấp nhỏ lẻ, số lượng ít. Còn đối với nhà cung cấp lâu năm, công ty áp dụng phương thức trả ngay hoặc trả chậm tùy vào thỏa thuận của hai bên. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt thường áp dụng với đơn hàng với giá trị nhỏ hơn 20.000.000 đồng. Với đơn hàng có giá trị lớn từ 20.000.000 đồng bắt buộc phải chuyển khoản

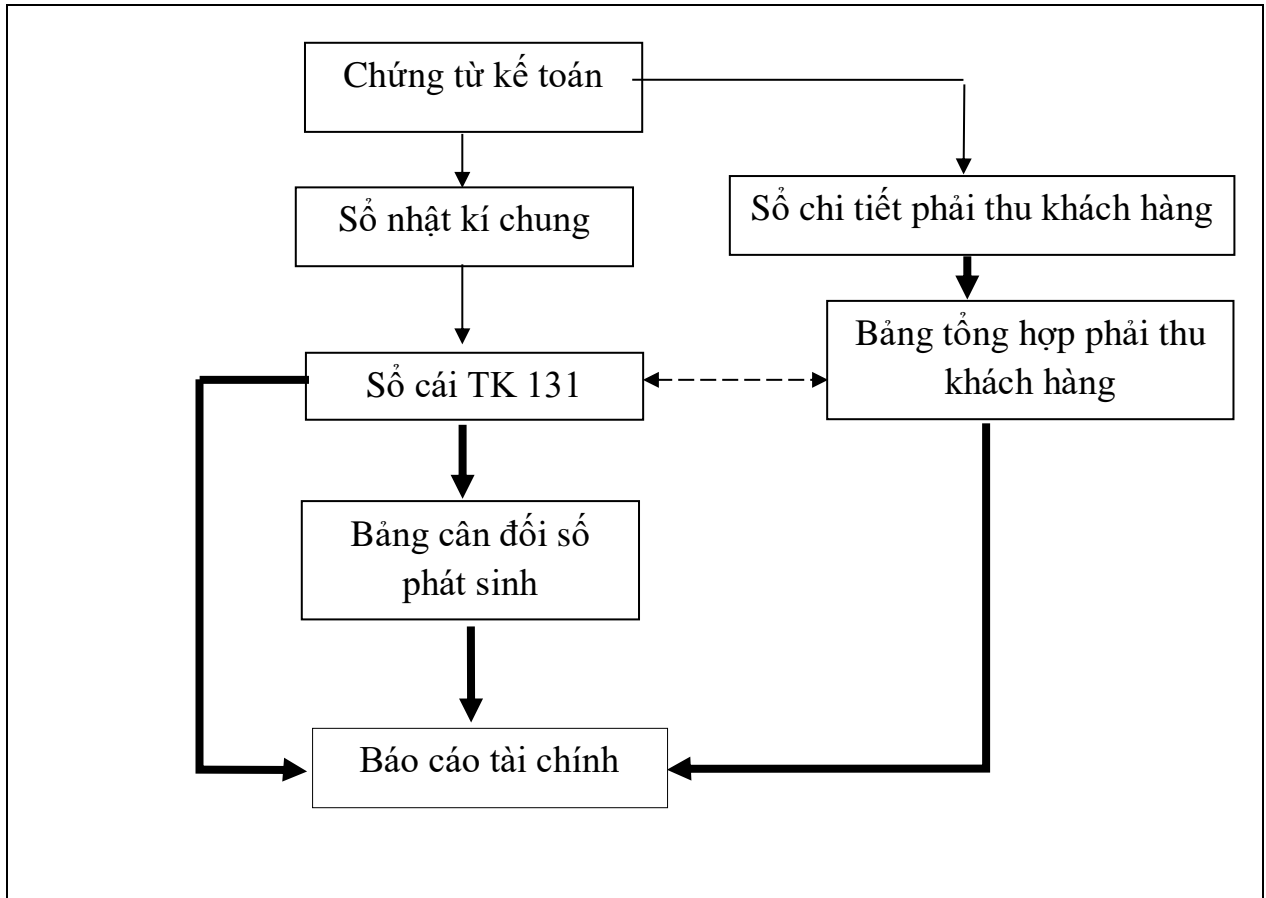
2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại công ty.

❖ Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng:

- *Chứng từ sử dụng:*
 - Hợp đồng mua bán
 - Hóa đơn GTGT
 - Giấy báo có của ngân hàng
 - Phiếu thu
- *Sổ sách sử dụng:*
 - Nhật ký chung
 - Sổ chi tiết thanh toán với người mua
 - Bảng tổng hợp thanh toán với người mua
 - Sổ cái TK 131 và các tài khoản có liên quan.
- *Tài khoản sử dụng:* 131- Phải thu khách hàng

❖ Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH Sơn Trường



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi định kỳ: —————>

Kiểm tra, đối chiếu: <----->

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng để ghi sổ. Đầu tiên ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 131, 511, 333... đồng thời kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 131 theo dõi cho từng khách hàng.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 mở cho từng khách hàng, kế toán lập tổng hợp phải thu khách hàng. Kế toán thực hiện thao tác cộng số liệu trên bảng sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Kế toán dùng số liệu từ bảng cân

đôi số phát sinh và bảng tổng hợp phải thu của khách hàng để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 27/09/2018 công ty bán 1500 cây thép D10 cho Công ty TNHH Xây Dựng Và Dịch Vụ Thương Mại Hiệu Thắng trị giá 98.700.000 đồng chưa có thuế GTGT 10%.

Biểu số 1: Hóa đơn GTGT số 0000856.

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : Nội bộ Ngày 27 tháng 09 năm 2018			Mẫu số: 01 GTKT3/002 Ký hiệu: DH/18P Số: 0000856		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Sơn Trường Mã số thuế: 0200414696 Địa chỉ: Khu 6 - Phường Quán Toan - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng Điện thoại/Fax: ...0225.3850024..... Số tài khoản:.....					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Dịch Vụ Thương Mại Hiệu Thắng Mã số thuế: 0101788556 Địa chỉ: Số 17, dãy Đ 384, tập thể Z 179, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Hà Nội Hình thức thanh toán:CK.....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Thép D10	Cây	1500	65.800	98.700.000
Cộng tiền hàng:					98.700.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			9.870.000
Tổng cộng tiền thanh toán					108.570.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm linh tám triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Ví dụ 2: Ngày 3/12/2018 công ty bán 200m cọc ống bê tông D350 cho công ty cổ phần Tasco giá 56.600.000 đồng chưa có thuế GTGT 10% chưa thanh toán.

Biểu số 2: Hóa đơn GTGT số 0001250

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : Nội bộ Ngày 3 tháng 12 năm 2018				Mẫu số: 01 GTKT3/002 Ký hiệu: AA/18P Số: 00001250	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Sơn Trường Mã số thuế: 0200414696 Địa chỉ: Khu 6 - Phường Quán Toan - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng Điện thoại/Fax: ...0225.3850024..... Số tài khoản:.....					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty cổ phần Tasco Mã số thuế: 0600264117 Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội Hình thức thanh toán:CK.....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Cọc ống bê tông D350	m	200	283.000	56.600.000
Cộng tiền hàng:					56.600.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 5.660.000
Tổng cộng tiền thanh toán					62.260.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Ví dụ 3: Ngày 14/10/2018 công ty TNHH Xây Dựng Và Dịch Vụ Thương Mại Hiệu Thắng thanh toán tiền hàng theo HĐ0000856.

Biểu số 3: Giấy báo có



**GIẤY BÁO CÓ
ADVICE OF CREDIT**

Số Tài Khoản/Account No: 03101011333639

Tên Tài Khoản/Account Name: CTY TNHH SON TRUONG

KÝ HIỆU CHỨNG TỪ
20180102131344800000

Kính gửi/ To:	CTY TNHH SON TRUONG
Mã số thuế/Tax Code:	0200414696
Người chuyển tiền/Sender:	CTY TNHH XD & DVTM HIEU THANG
Số TK/Account No:	46610000711060
Ngân hàng/Bank:	BIDV - NH DAU TU VA PHAT TRIEN VIET NAM

Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng thông báo: Ngày 14/10/2018 tài khoản của quý khách hàng được GHI CÓ như sau:
Please note that we have your CREDIT account on 14/10/2018 with the following entries:

DIỄN GIẢI/PARTICULARS	SỐ TIỀN	SỐ TIỀN QUY ĐỔI/EQUIVALENT
Số tiền GHI CÓ/Credit Amount:	108,570,000	
Phí dịch vụ/Service Charge:	0	
Thuế GTGT/VAT:	0	
Tổng số tiền GHI CÓ/Total Credit Amount:	108,570,000	
Diễn giải/Description:	CTY TNHH XD & DVTM HIEU THANG THANH TOAN TIEN HANG	

Ví dụ 4: Ngày 20/12/2018 công ty cổ phần Tasco thanh toán tiền hàng theo HĐ0000250

Biểu số 4: Giấy báo có



**GIẤY BÁO CÓ
ADVICE OF CREDIT**

Số Tài Khoản/Account No: 03101011333639

Tên Tài Khoản/Account Name: CTY TNHH SON TRUONG

KÝ HIỆU CHỨNG TỪ
20180105171103444170

Kính gửi/ To:	CTY TNHH SON TRUONG
Mã số thuế/Tax Code:	0200414696
Người chuyển tiền/Sender:	CTY CP TASCO
Số TK/Account No:	103869162254
Ngân hàng/Bank:	VIETTINBBANK – NH TMCP CONG THUONG VIET NAM

Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng thông báo: Ngày 20/12/2018 tài khoản của quý khách hàng được GHI CÓ như sau:
Please note that we have your CREDIT account on 20/12/2018 with the following entries:

DIỄN GIẢI/PARTICULARS	SỐ TIỀN	SỐ TIỀN QUY ĐỔI/EQUIVALENT
Số tiền GHI CÓ/Credit Amount:	62,260,000	
Phí dịch vụ/Service Charge:	0	
Thuế GTGT/VAT:	0	
Tổng số tiền GHI CÓ/Total Credit Amount:	62,260,000	
Diễn giải/Description:	CTY CP TASCO THANH TOAN TIEN HANG	

Biểu số 5: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Trường

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: Khu 6 - Phường Quán Toan - Quận
Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2

27/09	HĐ856	27/09	Bán thép D10 cho Công ty TNHH Xây Dựng Và Dịch Vụ Thương Mại Hiệu Thắng	131 511 3331	108.570.000	98.700.000 9.870.000

14/10	GBC	14/10	Công ty TNHH Xây Dựng Và Dịch Vụ Thương Mại Hiệu Thắng thanh toán tiền hàng	112 131	108.570.000	108.570.000

26/11	PT136	26/11	Công ty cổ phần Tân Hoàng Mai thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt	111 131	9.500.000	9.500.000

3/12	HĐ1250	3/12	Bán cọc ống bê tông D350 cho công ty cổ phần Tasco	131 511 3331	62.260.000	56.600.000 5.660.000

20/12	GBC	20/12	Công ty cổ phần Tasco thanh toán tiền hàng	112 131	62.260.000	62.260.000

			Cộng phát sinh		249.970.894.775	249.970.894.775

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 6: Trích sổ cái TK 131

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Trường

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Khu 6 - Phường Quán Toan - Quận
 Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-
 BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2018

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		2.679.843.980	
....
27/09	HĐ856	27/09	Bán thép D10 cho Công ty TNHH Xây Dụng Và Dịch Vụ Thương Mại Hiệu Thắng	511 3331	98.700.000 9.870.000	
....			
14/10	GBC	14/10	Công ty TNHH Xây Dụng Và Dịch Vụ Thương Mại Hiệu Thắng thanh toán tiền hàng	112		108.570.000
....			
26/11	PT36	26/11	Công ty cổ phần Tân Hoàng Mai thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt	111		9.500.000
....			
3/12	HĐ1250	3/12	Bán cọc ống bê tông D350 cho công ty cổ phần Tasco	511 3331	56.600.000 5.660.000	
....			
20/12	GBC	20/12	Công ty cổ phần Tasco thanh toán tiền hàng	112		62.260.000
....			
			Cộng SPS		24.445.006.645	25.754.268.536
			Số dư cuối kỳ		1.370.582.089	

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Người đại diện theo pháp luật
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 7: Trích sổ chi tiết thanh toán với người mua

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Trường
Địa chỉ: Khu 6 - Phường Quán Toan - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số S31-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131

**Đối tượng: Công ty TNHH Xây Dựng Và Dịch Vụ Thương Mại Hiệu Thăng
 Năm 2018**

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ				398.630.648	
			
27/09	HD856	27/09	Bán thép D10	511 3331	98.700.000 9.870.000		492.583.884 502.453.884	
			
14/10	GBC	14/10	Thu tiền bằng chuyển khoản	112		108.570.000	208.309.600	
			
29/11	GBC	29/11	Thu tiền bằng chuyển khoản	112		72.380.000	131.658.660	
			
			Cộng SPS		2.555.011.225	2.820.888.400		
			Số dư cuối kỳ				132.753.473	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 8: Trích sổ chi tiết thanh toán với người mua

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Trường
Địa chỉ: Khu 6 - Phường Quán Toan - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số S31-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty cổ phần Tasco
 Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ				51.463.000	
			
3/12	HĐ1250	3/12	Bán cọc ống bê tông D350	511 3331	56.600.000 5.660.000		75.011.225 80.671.225	
	
20/12	GBC	20/12	Thu tiền bằng chuyển khoản	112		62.260.000	69.843.980	
22/12	HĐ1301	22/12	Bán cọc ống bê tông D400	511 3331	42.450.000 4.245.000		112.293.980 116.538.980	
							
29/12	GBC	29/12	Thu tiền bằng chuyển khoản	112		46.695.000	75.019.700	
			
			Cộng SPS		1.325.329.545	1.194.220.000		
			Số dư cuối kỳ				182.572.545	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 9: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người mua

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Trường

Địa chỉ: Khu 6 - Phường Quán Toan - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: Phải thu khách hàng

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã KH	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	
HIEUTHANG	Công ty TNHH Xây Dựng Và Dịch Vụ Thương Mại Hiệu Thẳng	398.630.648		2.555.011.225	2.820.888.400	132.753.473	
TASCO	Công ty cổ phần Tasco	51.463.000		1.325.329.545	1.194.220.000	182.572.545	
CSC	Công ty TNHH CSC Việt Nam	-		1.197.013.258	1.127.512.691	69.500.567	
LOCLINH	Công ty cổ phần Lộc Linh	89.127.200		725.106.340	783.835.000	30.398.540	
	
	Cộng phát sinh	2.679.843.980		24.445.006.645	25.754.268.536	1.370.582.089	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

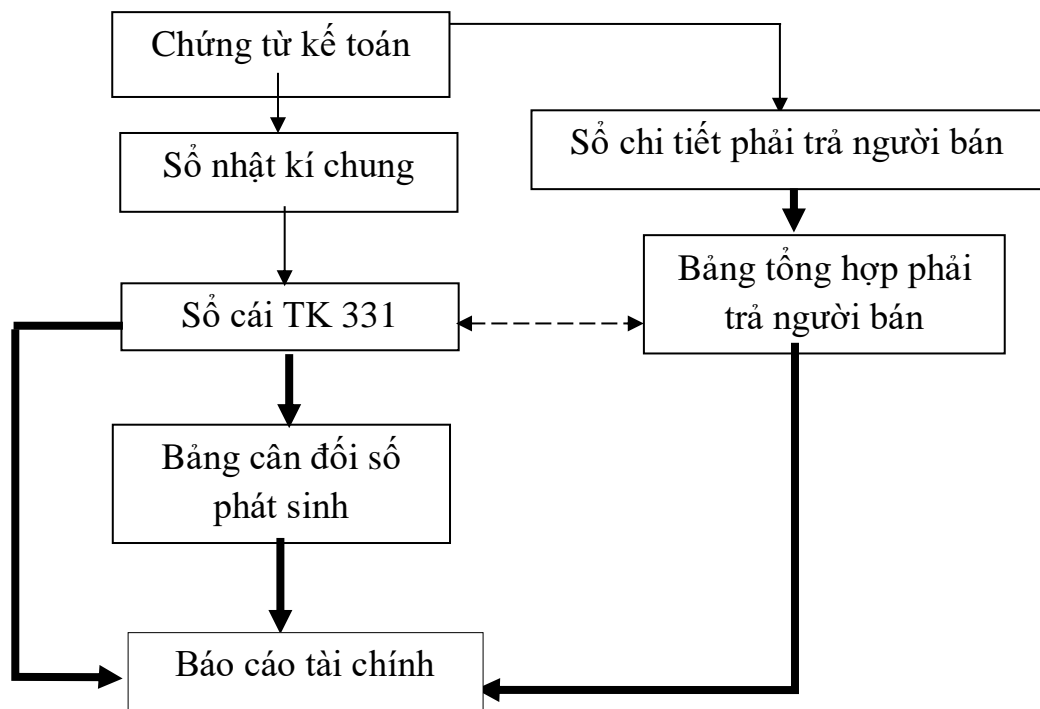
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty.

❖ Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng:

- Chứng từ sử dụng:
 - Hợp đồng mua bán
 - Hóa đơn GTGT
 - Giấy báo nợ của ngân hàng
 - Phiếu chi
- Sổ sách sử dụng:
 - Nhật ký chung
 - Sổ chi tiết thanh toán với người bán
 - Bảng tổng hợp thanh toán với người bán
 - Sổ cái TK 331 và các tài khoản có liên quan.
- Tài khoản sử dụng: 331 – Phải trả người bán

❖ Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Sơn Trường

Ghi chú: Ghi hàng ngày	→
Ghi định kỳ	→
Kiểm tra, đối chiếu	←---→

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ để ghi sổ nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết phải trả người bán. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 331. Từ sổ chi tiết phải trả người bán, ta tiến hành lập bảng tổng hợp phải trả người bán.

Cuối kỳ, kế toán cộng tất cả số liệu trên kế toán. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp được lập từ các số thẻ, thẻ kế toán chi tiết để lập bảng cân đối số phát sinh và các báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 5/12/2018, Công ty mua 391,5 lít dầu diesel trị giá 7.631.118 đồng theo hóa đơn GTGT 00001356, chưa thanh toán.

Biểu số 10: Hóa đơn GTGT số 0001356

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho người mua Ngày 05 tháng 12 năm 2018			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: TM/18E Số: 0001356		
Đơn vị bán hàng: Công Ty Cổ Phần Thương Mại KBH Mã số thuế: 0201265479 Địa chỉ: Số 68/591 Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Hải Phòng Điện thoại: 02253740499 Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:..... Tên đơn vị: Công ty TNHH Sơn Trường Số tài khoản: Địa chỉ: Khu 6 - Phường Quán Toan - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng Hình thức thanh toán:CK.....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Dầu diesel (DO)	Lít	391.5	17.720	6.937.380
		Cộng tiền hàng:			6.937.380
	Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT:			693.738
		Tổng cộng tiền thanh toán			7.631.118
Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu sáu trăm ba mươi một nghìn một trăm mười tám đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	


Ví dụ 2: Ngày 22/12/2018 mua 150 m³ cát bê tông trị giá 52.800.000 đồng theo hóa đơn GTGT số 0002390, chưa thanh toán.

Biểu số 11: Hóa đơn GTGT số 0002390.

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho người mua Ngày 22 tháng 12 năm 2018			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: 01AN/18P Số: 0002390		
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH MTV VLXD TM Hưng Thịnh Phát Mã số thuế: 3702373872 Địa chỉ: Số 01 Bình Đường, Khu phố Bình Đường 2, Phường An Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: 0389 180 755 Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:..... Tên đơn vị: Công ty TNHH Sơn Trường Số tài khoản: Địa chỉ: Khu 6 - Phường Quán Toan - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng Hình thức thanh toán:CK.....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Cát bê tông	M3	150	320.000	48.000.000
		Cộng tiền hàng:			48.000.000
	Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT:			4.800.000
		Tổng cộng tiền thanh toán			52.800.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Ví dụ 3: Ngày 10/12/2018 công ty thanh toán tiền hàng cho Công Ty Cổ Phần Thương Mại KBH số tiền 7.631.118 đồng bằng chuyển khoản.

Biểu số 12: Ủy nhiệm chi

	ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER	Số/ Seq No: 8456 Ngày/Date: 10 / 12 / 2018	
Tên Tài khoản trích Nợ/ Dr A/c Name : CONG TY TNHH SON TRUONG Số TK trích Nợ/ Dr A/C No: 03101011333639 Tại NH/ At Bank: NH TMCP HANG HAI Chi nhánh/ Branch: HONG BANG	Người hưởng/ Beneficiary: CONG TY CP TM KBH Số CMND/ HC/ ID/PP: Ngày cấp/ Date: Nơi cấp/ Place: Số TK/ A/CNo: 165146597 Tại NH/ At Bank: VP BANK – NH TMCP VIET NAM THINH VUONG		
Số tiền bằng số/ Amount in figures: 7.631.118 VNĐ Số tiền bằng chữ/ Amount in words: Bảy triệu sáu trăm ba mươi một nghìn một trăm mười tám đồng.			
Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/ Request for changing into: Tỷ giá/ Ex rate: Nội dung/ Remarks: THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY CP TM KBH	Phí Ngân hàng/ Charges: <input type="checkbox"/> Phí trong/ Charge included <input type="checkbox"/> Phí ngoài/ Charge excluded		
PHÂN DÀNH CHO NGÂN HÀNG			
KHÁCH HÀNG/ CLIENT		NGÂN HÀNG/ BANK SENDER	
Kế toán trưởng/ Chief Accountant (Ký và ghi rõ họ tên/ Signature & full name)	Chủ tài khoản/ Account Holder (Ký và ghi rõ họ tên/ Signature & full name)	Giao dịch viên/Received by	Kiểm soát/Verified by

Biểu số 13: Giấy báo nợ



**GIẤY BÁO NỢ
ADVICE OF DEBIT**

Số Tài Khoản/Account No: 03101011333639

Tên Tài Khoản/Account Name: CTY TNHH SON TRUONG

Kính gửi/ To:	CONG TY TNHH SON TRUONG
Mã số thuế/Tax Code:	0200414696
Người thụ hưởng/Beneficiary:	CONG TY CP TM KBH
Số TK/Account No:	165146597
Ngân hàng/Bank:	VP BANK – NH TMCP VIET NAM THINH VUONG


KÝ HIỆU CHỨNG TỪ
20180104093036601158

Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng thông báo: Ngày 10/12/2018 tài khoản của quý khách hàng được GHI NỢ như sau:
Please note that we have your DEBIT account on 10/12/2018 with the following entries:

DIỄN GIẢI/PARTICULARS	SỐ TIỀN	SỐ TIỀN QUY ĐỔI/EQUIVALENT
Số tiền GHI NỢ/Debit Amount:	7.631.118	
Phí dịch vụ/Service Charge:	0	
Thuế GTGT/VAT:	0	
Tổng số tiền GHI NỢ/Total Debit Amount:	7.631.118	
Diễn giải/Description:	THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY CP TM KBH	

Ví dụ 4: Ngày 26/12/2018 công ty thanh toán tiền mua cát bê tông số tiền 52.800.000 đồng bằng chuyển khoản.

Biểu số 14: Ủy nhiệm chi

	ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER	Số/ Seq No: 9563 Ngày/Date: 26 / 12 / 2018	
Tên Tài khoản trích Nợ/ Dr A/c Name : CONG TY TNHH SON TRUONG Số TK trích Nợ/ Dr A/C No: 03101011333639 Tại NH/ At Bank: NH TMCP HANG HAI Chi nhánh/ Branch: HONG BANG	Người hưởng/ Beneficiary: CONG TY TNHH MTV VLXD TM HUNG THINH PHAT Số CMND/ HC/ ID/PP: Ngày cấp/ Date: Nơi cấp/ Place: Số TK/ A/CNo: 102006964374 Tại NH/ At Bank: VIETTINBANK – NH TMCP CONG THUONG VIET NAM		
Số tiền bằng số/ Amount in figures: 52.800.000VNĐ Số tiền bằng chữ/ Amount in words: Năm mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.			
Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/ Request for changing into: Tỷ giá/ Ex rate: Nội dung/ Remarks: THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY TNHH MTV VLXD HUNG THINH PHAT	Phí Ngân hàng/ Charges: <input type="checkbox"/> Phí trong/ Charge included <input type="checkbox"/> Phí ngoài/ Charge excluded		
PHÂN DÀNH CHO NGÂN HÀNG			
KHÁCH HÀNG/ CLIENT		NGÂN HÀNG/ BANK SENDER	
Kế toán trưởng/ Chief Accountant (Ký và ghi rõ họ tên/ Signature & full name)	Chủ tài khoản/ Account Holder (Ký và ghi rõ họ tên/ Signature & full name)	Giao dịch viên/Received by	Kiểm soát/Verified by

Biểu số 15: Giấy báo nợ



**GIẤY BÁO NỢ
ADVICE OF DEBIT**

Số Tài Khoản/Account No: 03101011333639

Tên Tài Khoản/Account Name: CTY TNHH SON TRUONG

Kính gửi/ To:	CONG TY TNHH SON TRUONG
Mã số thuế/Tax Code:	0200414696
Người thụ hưởng/Beneficiary:	CTY TNHH MTV VLXD TM HUNG THINH PHAT
Số TK/Account No:	102006964374
Ngân hàng/Bank:	VIETTINBANK – NH TMCP CONG THUONG VIET NAM

KÝ HIỆU CHỨNG TỪ
20180104103053611714

Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng thông báo: Ngày 26/12/2018 tài khoản của quý khách hàng được GHI NỢ như sau:

Please note that we have your DEBIT account on 26/12/2018 with the following entries:

DIỄN GIẢI/PARTICULARS	SỐ TIỀN	SỐ TIỀN QUY ĐỔI/EQUIVALENT
Số tiền GHI NỢ/Debit Amount:	52.800.000	
Phí dịch vụ/Service Charge:	0	
Thuế GTGT/VAT:	0	
Tổng số tiền GHI NỢ/Total Debit Amount:	52.800.000	
Diễn giải/Description:	THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY CP TNHH MTV VLXD HUNG THINH PHAT	

Biểu số 16: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Trường

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: Khu 6 - Phường Quán Toan - Quận
 Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-
 BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2

5/12	HĐ1356	5/12	Mua dầu diesel của công ty Cổ Phần Thương Mại KBH chưa thanh toán tiền	641 133 331	6.937.380 693.738	7.631.118

10/12	UNC	10/12	Thanh toán tiền mua dầu diesel cho công ty Cổ Phần Thương Mại KBH	331 112	7.631.118	7.631.118

22/12	HĐ2390	22/12	Mua cát bê tông của Cty TNHH MTV VLXD TM Hưng Thịnh Phát chưa thanh toán tiền	156 133 331	48.000.000 4.800.000	52.800.000

26/12	UNC	26/12	Thanh toán tiền mua cát bê tông cho Cty TNHH MTV VLXD TM Hưng Thịnh Phát	331 112	52.800.000	52.800.000

			Cộng phát sinh		249.970.894.775	249.970.894.775

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Người đại diện theo pháp luật
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 17: Trích sổ cái TK 331

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Trường

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Khu 6 - Phường Quán Toan - Quận
Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2018

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			2.031.615.390

5/12	HĐ1356	5/12	Mua dầu diesel của công ty Cổ Phần Thương Mại KBH chưa thanh toán tiền	641 133		6.937.380 693.738

10/12	UNC	10/12	Thanh toán tiền mua dầu diesel cho công ty Cổ Phần Thương Mại KBH	112	7.631.118	

22/12	HĐ2390	22/12	Mua cát bê tông của Cty TNHH MTV VLXD TM Hưng Thịnh Phát chưa thanh toán tiền	156 133		48.000.000 4.800.000

26/12	UNC	26/12	Thanh toán tiền mua cát bê tông cho Cty TNHH MTV VLXD TM Hưng Thịnh Phát	112	52.800.000	
			Cộng phát sinh		24.670.686.472	25.123.179.818
			Số dư cuối kỳ			2.484.108.736

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 18: Trích sổ chi tiết thanh toán với người bán

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Trường
Địa chỉ: Khu 6 - Phường Quán Toan - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số S31-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN
Tài khoản: 331
Đối tượng: Công Ty Cổ Phần Thương Mại KBH
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ					383.123.179
		
5/12	HĐ1356	5/12	Mua dầu diesel chưa thanh toán	641 133		6.937.380 693.738		253.530.379 254.224.117
		
10/12	UNC	10/12	Thanh toán tiền hàng	112	7.631.118			184.670.686
		
14/12	HĐ1490	18/12	Mua dầu diesel chưa thanh toán	641 133		8.554.000 855.400		491.680.733 492.536.133
		
22/12	UNC	22/12	Thanh toán tiền hàng	112	38.009.400			425.142.548
		
			Cộng SPS		1.479.549.276	1.769.048.709		
			Số dư cuối kỳ					672.622.612

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 19: Trích sổ chi tiết thanh toán với người bán

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Trường

Địa chỉ: Khu 6 - Phường Quán Toan - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số S31-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Đối tượng: Công ty TNHH MTV VLXD TM Hưng Thịnh Phát

Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ					227.436.100
		
3/12	HĐ885	3/12	Mua đá 4x6	156 133		75.400.000 7.540.000		40.535.000 48.075.000

10/12	UNC	10/12	Thanh toán tiền hàng	112	82.940.000			139.635.450

22/12	HĐ2390	22/12	Mua cát bê tông	156 133		48.000.000 4.800.000		487.901.758 492.701.758

26/12	UNC	26/12	Thanh toán tiền hàng	112	52.800.000			315.469.200
		
			Cộng SPS		2.448.334.340	2.689.566.552		
			Số dư cuối kỳ					468.668.312

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 20: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người bán

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Trường

Địa chỉ: Khu 6 - Phường Quán Toan - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: Phải trả người bán

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã KH	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có

KBH	Công Ty Cổ Phần Thương Mại KBH		383.123.179	1.479.549.276	1.769.048.709		672.622.612
HUNGTPHAT	Công ty TNHH MTV VLXD TM Hưng Thịnh Phát		227.436.100	2.448.334.340	2.689.566.552		468.668.312
KHAIDUYEN	Công ty TNHH TMVT Khải Duyên		63.281.211	333.498.561	313.730.450		43.513.100
FECON	Cty CP Fecon		-	1.145.971.472	1.167.922.818		21.951.346

	Cộng phát sinh		2.031.615.390	24.670.686.472	25.123.179.818		2.484.108.736

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH SƠN TRƯỜNG

3.1. Đánh giá thực trạng thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Sơn Trường.

Công ty TNHH Sơn Trường là doanh nghiệp mới hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh và xây dựng. Để có chỗ đứng trong thị trường doanh nghiệp đã chủ động mở rộng các mối quan hệ, mở rộng thị trường, từ đó công ty có nhiều bạn hàng, đối tác kinh doanh hơn. Ngoài các bạn hàng truyền thống lâu đời, còn có bạn hàng mới cùng với lượng giao dịch ngày càng tăng, vì vậy công tác kế toán thanh toán, đối chiếu công nợ với nhà cung cấp và khách hàng của công ty ngày càng được coi trọng và hoàn thiện hơn trước. Việc quản lý tốt phân hành kế toán thanh toán với người mua, người bán sẽ góp phần giúp công ty quản lý tốt được tình hình kinh doanh, tránh được nợ xấu, nợ khó đòi.

Qua quá trình thực tập tại công ty TNHH Sơn Trường với kiến thức đã học và áp dụng thực tế với công việc em đã rút ra được bài học về cách quản lý, hạch toán kế toán. Từ đó em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán nói riêng có những ưu điểm và hạn chế sau:

3.1.1. Ưu điểm

- **Về bộ máy quản lý:**
 - Bộ máy quản lý của công ty gọn nhẹ, phù hợp với đặc điểm tổ chức của công ty trong lĩnh vực kinh doanh và xây dựng cơ bản.
 - Các đội thi công trong công ty tuy là tổ chức phụ thuộc song vẫn đảm bảo tính chủ động, sáng tạo trong quản lý sản xuất.
 - Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.
- **Về tổ chức bộ máy kế toán:**

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, mỗi kế toán được phân công, phụ trách một mảng riêng đảm bảo sự chuyên môn hóa nhưng vẫn phối hợp một cách chặt chẽ.

- Phòng kế toán có đội ngũ nhân viên trẻ nhiệt tình, ham học hỏi, với sự giúp đỡ của những nhân viên lâu năm, luôn phấn đấu đạt hiệu quả cao trong công tác góp phần đem lại hiệu quả chung cho công ty.

- Các kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu để đảm bảo tính chính xác đồng thời theo dõi kịp thời các hoạt động của Công ty

- ***Về hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán:***

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung phù hợp với công ty, thuận tiện cho kế toán theo dõi và rất phổ biến hiện nay

- Hệ thống chứng từ trong Công ty được sử dụng theo đúng mẫu quy định của Bộ tài chính. Các chứng từ sau khi được sử dụng đều được bảo quản, lưu trữ một cách khoa học, dễ kiểm tra và thuận lợi cho việc tra cứu sau này.

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh luôn được công ty phản ánh, ghi chép đầy đủ và chính xác.

- ***Về hệ thống tài khoản:*** Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo Thông tư số 200/2014/TTBTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- ***Về hạch toán kế toán thanh toán:*** Công tác hạch toán kế toán thanh toán luôn được hoàn thành đúng lúc. Công ty mở sổ chi tiết cho từng đối tượng là người mua, người bán. Việc mở sổ chi tiết cho từng công ty giúp ban giám đốc và phòng kế toán dễ dàng theo dõi công nợ. Đồng thời cũng giúp bộ phận kế toán hạch toán tổng hợp một cách nhanh chóng, kịp thời, kế toán có thể cung cấp cho người quản lý những thông tin chính xác về tình hình công nợ của Công ty, nhà quản lý có thể nắm bắt tình hình tài chính của công ty và đưa ra các hoạch định chiến lược cho Công ty.

3.1.2. Hạn chế

Về cơ bản thì việc tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán thanh toán với người bán, người mua tại Công ty TNHH Sơn Trường là đúng theo chế độ kế toán hiện hành tuy nhiên cũng không tránh khỏi một số hạn chế sau:

- Công ty chưa đối chiếu công nợ định kỳ.
- Hiện tại công ty đã không có những trích dự phòng cho các khoản nợ khó đòi mặc dù trong kỳ có phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi.
- Trong công tác kế toán thanh toán tại công ty, chính sách chiết khấu cho người mua, người bán chưa được công ty đề tâm.
- Mặc dù đã được trang bị hệ thống máy tính hiện đại, nhưng hệ thống này chỉ đơn thuần áp dụng cho việc soạn thảo hợp đồng, và việc lập các sổ, chứ chưa áp dụng kế toán máy vào quá trình hạch toán.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển hơn nữa. Đối với mỗi doanh nghiệp không chỉ là cơ hội mà còn là thách thức, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng phấn đấu để tồn tại.

Để đạt được mục tiêu đó Công ty TNHH Sơn Trường phải hoàn thiện hơn, đổi mới không ngừng, phải có chính sách quản lý tốt, thay đổi những cơ chế không phù hợp với doanh nghiệp, trong đó có công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng.

Trong công tác kế toán thì việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán giúp cho việc quản lý tài chính, cung cấp thông tin, số liệu chính xác về tình hình hoạt động của công ty. Vì thế doanh nghiệp nên không ngừng cải thiện bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán thanh toán

Để có thể hoàn thiện công tác thanh toán với người mua, người bán tại công ty thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán phải đảm bảo cung cấp thông tin kế toán kịp thời, và thật chính xác. Điều này rất quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp tới công ty. Nếu có sự sai lệch trong việc cung cấp thông tin sẽ gây ảnh hưởng đến việc ra quyết định.

- Tôn trọng nguyên tắc, chế độ, chuẩn mực kế toán bộ tài chính ban hành. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thông nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của Nhà nước. Đó chính là hành lang pháp lý của tổ chức kế toán tạo khả năng so sánh, đối chiếu được và thuận lợi cho việc kiểm tra chỉ đạo, đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán.

- Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán và người mua phải hướng tới những tiện ích mà máy tính và phần mềm kế toán máy đem lại để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc.

3.4. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Sơn Trường.

❖ Kiến nghị 1: Về việc tăng cường quản lý công nợ bằng đối chiếu công nợ định kỳ

Đối chiếu công nợ định kỳ diễn ra và cuối tháng nhằm giúp cho công ty quản lý chặt chẽ, không bỏ sót các khoản nợ đối với người mua, người bán và theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch đôn đốc các khoản công nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch thanh toán các khoản nợ phải trả tránh để nợ quá dài hạn.

Với công nợ phải trả cho công ty có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi biên bản đối chiếu công nợ.

Với công nợ phải thu, công ty có thể tham khảo biên bản đối chiếu công nợ cho khách hàng theo mẫu sau:

CÔNG TY TNHH SƠN TRƯỜNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hải Phòng, Ngày.... tháng... năm...

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế
- Căn cứ vào tình hình thanh toán thực tế.

Hôm nay, ngày...tháng...năm...Tại văn phòng Công ty...,chúng tôi gồm có:

1. Bên A (Bên bán): **CÔNG TY TNHH SƠN TRƯỜNG**

- Địa chỉ: Khu 6 – P.Quán Toan – Q.Hồng Bàng - Hải Phòng
- Điện thoại: (0225)3850888 Fax: (0225)3850024
- Đại diện: Tạ Quyết Thắng Chức vụ: Giám đốc

2. Bên B (Bên mua):.....

- Địa chỉ:
- Điện thoại:.....Fax:.....
- Đại diện:.....Chức vụ:.....

Cùng nhau đối chiếu giá trị cụ thể như sau :

Công nợ đầu kì:.....đồng

Số phát sinh trong kì:

Ngày tháng	Số hóa đơn	Tiền hàng	Tiền thuế	Thành tiền

3. Số tiền bên B đã thanh toán:.....đồng

4. Kết luận: Tính đến hết ngày.....bên B phải thanh toán cho Công ty TNHH Sơn Trường số tiền là:.....

- Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty TNHH Sơn Trường không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Ví dụ: Biên bản đối chiếu công nợ với công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Chính Nghĩa.

CÔNG TY TNHH SƠN TRƯỜNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hải Phòng, Ngày 30 tháng 11 năm 2018

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế
- Căn cứ vào tình hình thanh toán thực tế.

Hôm nay, ngày 30 tháng 11 năm 2018 Tại văn phòng Công ty TNHH Sơn Trường, chúng tôi gồm có:

1. Bên A (Bên bán): **CÔNG TY TNHH SƠN TRƯỜNG**

- Địa chỉ: Khu 6 – P.Quán Toan – Q.Hồng Bàng - Hải Phòng
- Điện thoại: (0225)3850888 Fax: (0225)3850024
- Đại diện: Tạ Quyết Thắng Chức vụ: Giám đốc

2. Bên B (Bên mua): **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI CHÍNH NGHĨA**

- Địa chỉ: Số nhà 24, dãy A1, tổ dân phố Nguyễn Du, Thị trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín, Hà Nội
- Điện thoại: 0433766639 Fax:
- Đại diện: Tạ Quang Thượng Chức vụ: Giám đốc

Cùng nhau đối chiếu giá trị cụ thể như sau :

Công nợ đầu kì: 95.800.000 đồng

Số phát sinh trong kì:

Ngày tháng	Số hóa đơn	Tiền hàng	Tiền thuế	Thành tiền
27/11	0001201	64.000.000	6.400.000	70.400.000

3. Số tiền bên B đã thanh toán: 70.400.000 đồng

4. Kết luận: Tính đến hết ngày 30/11 bên B phải thanh toán cho Công ty TNHH Sơn Trường số tiền là: 95.800.000 đồng

- Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty TNHH Sơn Trường không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

❖ Kiến nghị 2: Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Hiện nay, Công ty TNHH Sơn Trường đang có những khoản nợ xấu, công ty đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng chưa thành công và có khoản nợ xác định là không đòi được. Vì vậy, việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng như xóa sổ các khoản nợ xác định là không đòi được mang ý nghĩa rất quan trọng. Nó sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế tối đa tổn thất phải chịu khi có những sự cố khách hàng không thể thanh toán được cũng như phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của doanh nghiệp.

* *Về cơ sở pháp lý của việc trích lập dự phòng:* Căn cứ để lập trích lập dự phòng là thông tư số 228/2009-BTC, sửa đổi và bổ sung theo thông tư số 34/2011-BTC và thông tư số 89/2013-BTC.

** Điều kiện để trích lập dự phòng*

Doanh nghiệp có thể lập dự phòng phải thu khó đòi khi các khoản nợ có điều kiện như sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền bao gồm: Hợp đồng kinh tế, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

- Các khoản nợ không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

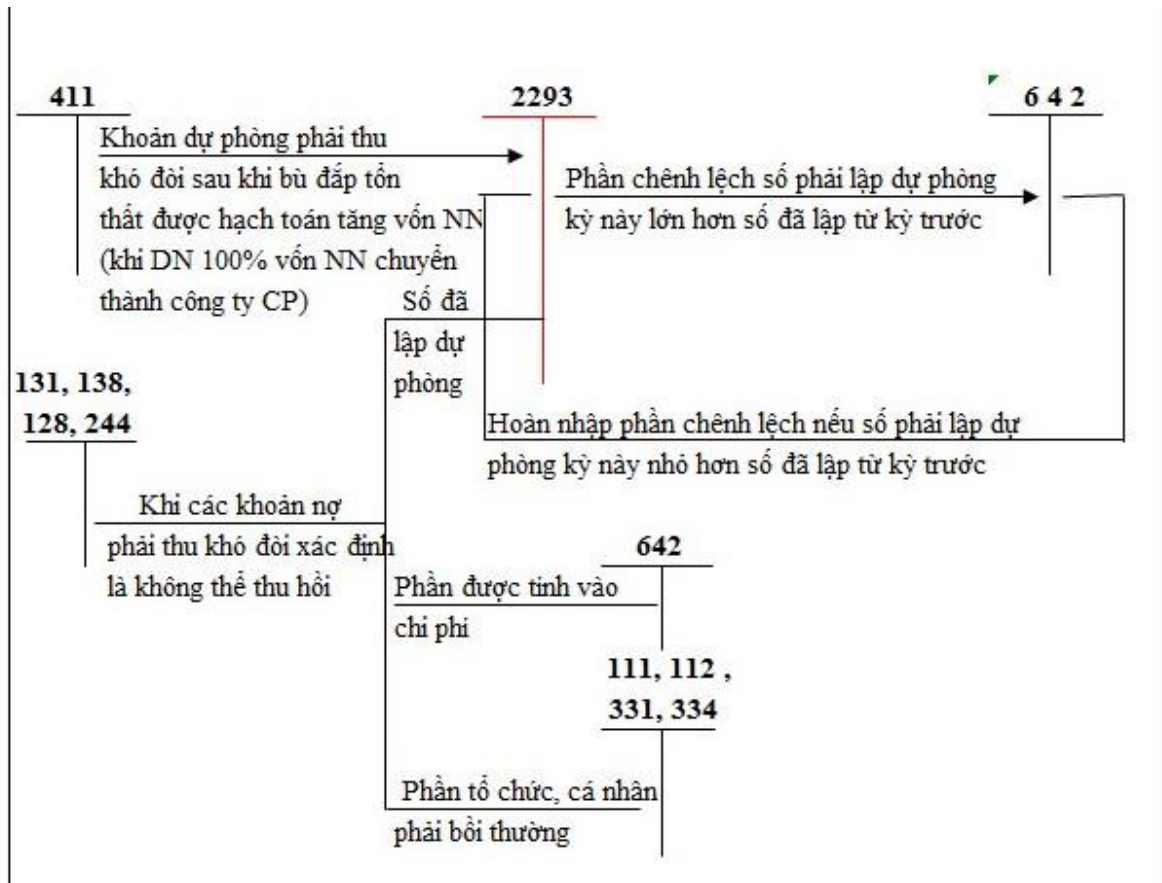
** Mức trích lập dự phòng mà công ty có thể áp dụng:*

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

* *Tài khoản sử dụng*: Việc trích lập dự phòng sẽ hạch toán theo tài khoản 229 (2293), đây là tài khoản dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ	Bên Có
<ul style="list-style-type: none">- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết.- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.- Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.	Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
	<u>Số dư bên có</u> : Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.



Sơ đồ 3.1: Sơ đồ trình tự hạch toán dự phòng phải thu khó đòi theo TT200/2014/TT-BTC

Biểu số 21: Báo cáo tình hình công ty**Đơn vị:** Công ty TNHH Sơn Trường**Địa chỉ:** Khu 6 - Phường Quán Toan - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2018***Đơn vị tính: VNĐ*

STT	Tên công ty	Công nợ với khách hàng	Thời hạn thanh toán	Thời hạn quá hạn	Ghi chú
1	Công ty CP Quang Huy	89.854.813	30/4/2018	8 tháng	
2	Cty CP TM & XD Huy Thịnh	46.980.264	30/09/2017	1 năm 3 tháng	
3	Công ty XD & TM Gia Khánh	23.895.452			
4	Cty CP VT & TM Phó Khang	172.145.556			
...
	Tổng cộng	1.370.582.089			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 22: Trích bảng lập dự phòng phải thu khó đòi

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Trường

Địa chỉ: Khu 6 - Phường Quán Toan - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

STT	Tên công ty	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích (%)	Số tiền trích
1	Công ty CP Quang Huy	89.854.813	8 tháng	30%	26.956.443
2	Cty CP TM KBH	46.980.264	1 năm 3 tháng	50%	23.490.132
	Tổng cộng	136.835.077	x	x	50.446.575

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Định khoản đối với bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Nợ TK 6422: 50.446.575

Có TK 2293: 50.446.575

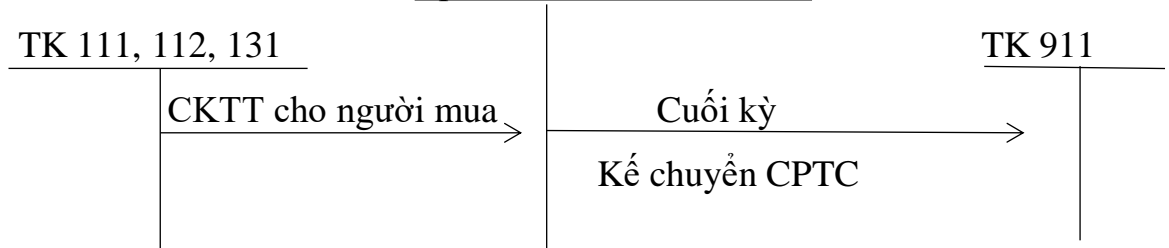
❖ Kiến nghị 3: Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng. Chiết khấu thanh toán là một khoản tiền thưởng để khuyến khích việc trả tiền sớm. Vì vậy đây là biện pháp giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty và rút ngắn vòng quay vốn.

Hiện nay công ty TNHH Sơn Trường chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng thanh toán nợ trước hạn. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và thu hồi vốn được nhanh, công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.

* Tài khoản sử dụng: TK 635 – Chi phí tài chính

TK 635: Chi phí tài chính



Sơ đồ 3.2: Sơ đồ trình tự hạch toán chiết khấu thanh toán

* Phương pháp hạch toán:

- Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131, 111, 112...

- Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

Năm 2018, doanh nghiệp chủ yếu giao dịch qua tài khoản ngân hàng Maritime Bank. Tại thời điểm này mức lãi suất gửi tiết kiệm ngân hàng Maritime Bank năm 2018 là 6%/ năm, mức lãi suất cho vay là 8.5%/ năm.

Để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm, doanh nghiệp nên chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán cao hơn mức lãi suất tiết kiệm, nhưng không được vượt quá mức lãi suất cho vay của ngân hàng. Doanh nghiệp nên chọn tỉ lệ chiết khấu thanh toán là 7.5%/ năm dựa theo lãi suất ngân hàng Maritime Bank.

Chiết khấu thanh toán được hưởng = Tổng số tiền thanh toán trước hạn x Tỷ lệ chiết khấu x Số ngày thanh toán trước hạn

* Ví dụ: Giả sử ngày 03/12/2018, bán hàng cho công ty TNHH Huyền Linh số tiền 451.975.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

Ngày 15/12/2018 công ty TNHH Huyền Linh đã thanh toán toàn bộ 100% tiền hàng mua ngày 03/12/2018, mặc dù theo hợp đồng ngày 27/12/2018 công ty mới phải thanh toán tiền hàng. Công ty TNHH Huyền Linh đã thanh toán trước 12 ngày và được hưởng chiết khấu thanh toán với tỷ lệ chiết khấu thanh toán 7.5%/năm.

Kế toán tính chiết khấu thanh toán công ty TNHH Huyền Linh như sau:

Tiền chiết khấu = 451.975.000 x (7.5%/360) x 12 = 1.129.937

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 635: 1.129.937

Có TK 111: 1.129.937

❖ Kiến nghị 4: Về việc sử dụng phần mềm kế toán chuyên nghiệp

Việc áp dụng các phần mềm kế toán vào công tác kế toán đang là xu hướng hiện nay với ưu điểm là mang lại hiệu quả cao trong công việc. Do đó công ty nên xem xét mua một trong những phần mềm kế toán thông dụng nhất hiện nay như MISA, Fast Accounting.... Với những phần mềm này công việc kế toán sẽ trở nên gọn nhẹ, nhanh chóng, mang lại hiệu quả cao trong việc.

Sau đây là một vài phần mềm phổ biến nhất:

➤ **Phần mềm kế toán Misa:** <http://www.misa.com.vn/>



Phần mềm kế toán MISA SME.NET là một phần mềm được tạo ra chuyên để phục vụ cho công việc kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp, Bán hàng, Quản lý hóa đơn,...

Ưu điểm:

+ *Giao diện:* Phần mềm kế toán Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ cảm thấy thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu như nhiều hóa đơn 1 phiếu chi một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành.

+ *Điểm cộng:* Phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu - mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu khác nhau, độc lập. Một điểm cộng nữa là khả năng thao tác lưu, ghi sổ dữ liệu cực tốt,

+ *Độ chính xác cao*: Có thể khẳng định rằng số liệu tính toán trong phần mềm MISA cực kỳ chính xác, khả năng xảy ra các sai sót bất thường do lỗi ở phần mềm là cực hiếm. Điều này giúp những người làm kế toán an tâm hơn nhiều so với các phương thức kế toán khác.

+ *Khả năng bảo mật*: Công nghệ bảo mật dữ liệu rất cao, gần như tuyệt đối an toàn vì phần mềm Misa chạy trên cơ sở dữ liệu SQL, doanh nghiệp sẽ ít phải đau đầu về vấn đề này như các phần mềm kế toán chạy trên các nền tảng khác.

Nhược điểm:

+ Vì có SQL nên MISA nên nếu máy tính cài đặt MISA QUÁ YẾU sẽ chạy ì ạch.

+ Tốc độ xử lý dữ liệu hơi chậm.

Về việc quản lý công nợ:

**** Công nợ phải thu:***

- Tổng hợp công nợ phải thu theo từng khách hàng, nhân viên bán hàng, bộ phận bán hàng, thị trường.

- Tổng hợp công nợ phải thu theo hóa đơn: Bao nhiêu công nợ đã xuất hóa đơn chưa thu được tiền, Bao nhiêu công nợ chưa xuất hóa đơn

- Tổng hợp công nợ phải thu theo hạn nợ: Nợ chưa đến hạn, Nợ quá hạn (1-30 ngày, 30- 60 ngày, ..., nợ quá hạn khó đòi).

- Quản lý công nợ phải thu theo từng hợp đồng, đơn đặt hàng

**** Công nợ phải trả:***

- *Theo dõi công nợ, tình hình trả tiền nhà cung cấp*

Phân hệ mua hàng của phần mềm MISA SME.NET cho phép các doanh nghiệp theo dõi tình hình thực tế các đơn hàng, thực hiện việc đơn mua hàng theo từng mặt hàng của từng nhà cung cấp.

- *Quản lý công nợ, tổng công nợ phải trả*

Phân hệ mua hàng trong phần mềm kế toán MISA SME.NET còn có khả năng quản lý công nợ chặt chẽ theo từng hóa đơn, nhà cung cấp riêng lẻ hay

nhóm nhà cung cấp. Đặc biệt phần mềm còn cho phép quản lý được cả công nợ phải trả theo từng nhân viên mua hàng, theo từng công trình, theo hợp đồng.

- *Theo dõi tình hình mua hàng theo từng nhà cung cấp*

Người sử dụng dễ dàng xem được báo cáo tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp bất cứ lúc nào.

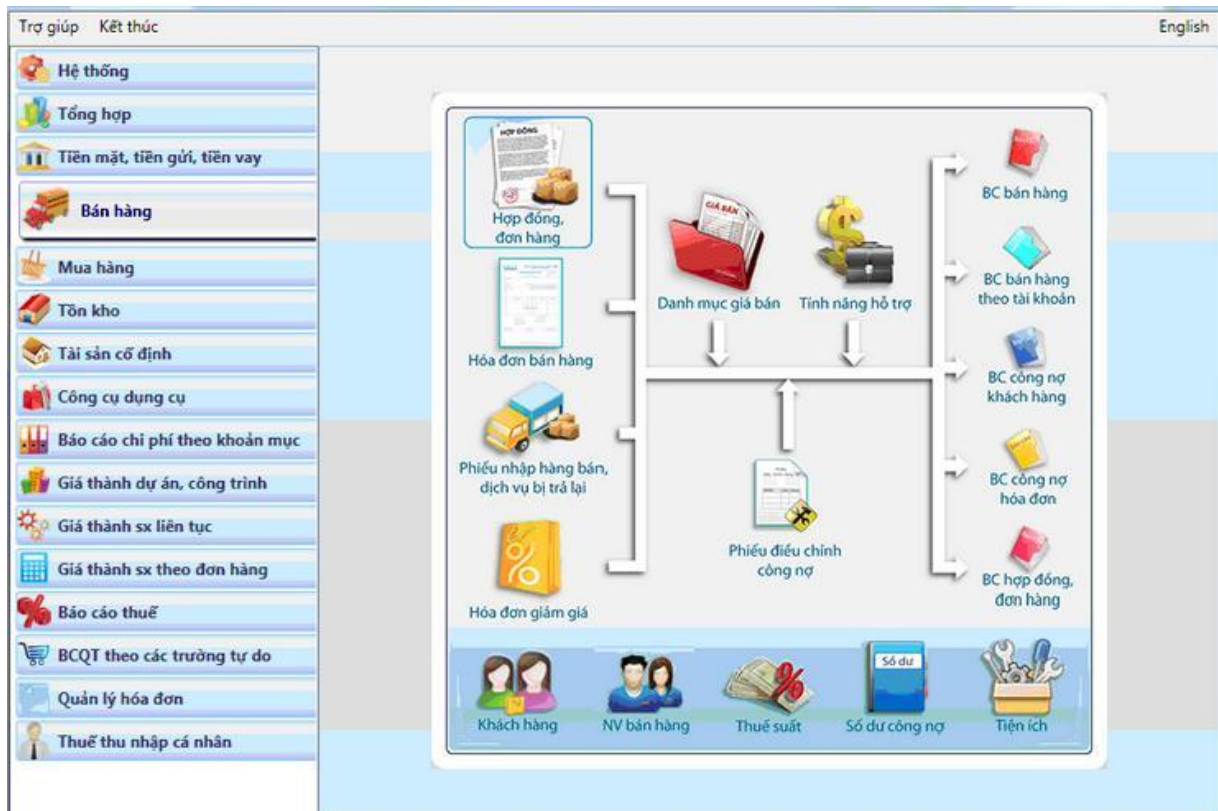
- *Theo dõi chi tiết chứng từ, sổ sách*

Phần mềm kế toán MISA SME.NET còn cung cấp đầy đủ các mẫu chứng từ, sổ sách và báo cáo chi tiết, tổng hợp mua hàng,... theo đúng quy định của nhà nước. Ngoài ra phần mềm còn có nhiều báo cáo quản trị giúp kế toán và lãnh đạo quản trị chặt chẽ tình hình mua hàng và công nợ.

- *Thực hiện các báo cáo công nợ phải trả*

- + Sổ chi tiết công nợ của nhà cung cấp
- + Báo cáo tổng hợp công nợ phải trả
- + Báo cáo công nợ chi tiết theo hoá đơn
- + Báo cáo công nợ chi tiết theo hoá đơn – chứng từ thanh toán
- + Báo cáo phân tích tuổi nợ các khoản phải trả
- + Báo cáo các khoản nợ quá hạn, sắp đến hạn thanh toán
- + Báo cáo mua hàng, trả lại nhà cung cấp
- + Báo cáo theo hợp đồng

➤ **Phần mềm kế toán Fast** : <http://fast.com.vn>



FAST là giải pháp cho các loại hình doanh nghiệp có quy mô từ nhỏ đến cấp tập đoàn. Các doanh nghiệp lớn đến cấp tập đoàn thì nên dùng phần mềm kế toán fast.

Và như MISA, Fast cũng có nhiều ưu điểm như: giao diện thân thiện, luôn cập nhật những thay đổi mới nhất về các chính sách điều khoản thuế, thông tư và các nghị định của Bộ tài chính, bám sát các chế độ kế toán hiện hành, cho phép kết xuất báo cáo ra Excel.

Ưu điểm:

+ Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

- + Tốc độ xử lý tương đối tốt.
- + Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel.

+ Không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác.

+ Dễ dàng truy xuất thông tin.

Nhược điểm:

+ Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

+ Độ bảo mật chưa thực sự ấn tượng.

+ Các hướng dẫn đính kèm còn sơ sài, chưa rõ ràng, làm thành từng video như MISA

Về việc quản lý công nợ:

**** Công nợ phải thu:***

• *Quản lý thông tin khách hàng*

+ Lưu trữ các thông tin quan trọng về khách hàng: địa chỉ, số điện thoại, số fax, người liên hệ, vùng, điều khoản tín dụng, hạn mức tín dụng và phân loại tín dụng

+ Cung cấp thông tin về tình hình công nợ hiện thời của khách hàng và bằng kỹ thuật drill-down truy ngược tới giao dịch gốc

+ Theo dõi trạng thái khách hàng tạm dừng giao dịch.

• *Quản lý hợp đồng và hóa đơn*

+ Cập nhật hợp đồng

+ Theo dõi công nợ theo hợp đồng

+ Theo dõi thời hạn thanh toán của hóa đơn

+ Ngăn chặn việc cập nhật trùng số hóa đơn

+ In hóa đơn trực tiếp từ chương trình hoặc in trên mẫu hóa đơn in sẵn.

• *Các bút toán ghi nợ/ghi có công nợ*

Thực hiện điều chỉnh công nợ phải thu, nợ được xóa... thông qua các bút toán ghi nợ/ghi có.

• *Quản lý thu tiền hàng*

+ Chứng từ thu tiền bán hàng được cập nhật tại phân hệ kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng

+ Việc phân bổ tiền thu cho các hóa đơn bán hàng được thực hiện ở phân hệ kế toán bán hàng và công nợ phải thu

+ Việc phân bổ tiền hàng cho các hóa đơn có thể thực hiện trực tiếp cho từng hóa đơn hoặc tự động theo các tiêu thức lựa chọn: xuất trước thu trước, đến hạn trước thu trước...

+ Cho phép phân bổ tiền nhận thanh toán là các khoản nhận trước hoặc nhận sau

+ Tính lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ khi thanh toán liên quan đến ngoại tệ

+ Đánh giá lại công nợ ngoại tệ phải thu cho từng khách hàng, từng hóa đơn bán hàng.

- *Báo cáo*

- + Sổ chi tiết công nợ của khách hàng

- + Sổ đối chiếu công nợ

- + Bảng xác nhận công nợ

- + Báo cáo tổng hợp công nợ phải thu

- + Báo cáo công nợ chi tiết theo hoá đơn

- + Báo cáo công nợ chi tiết theo hoá đơn – chứng từ thanh toán

- + Báo cáo phân tích tuổi nợ các khoản phải thu

- + Báo cáo các khoản nợ quá hạn, sắp đến hạn thanh toán

- + Báo cáo bán hàng, hàng bán trả lại

- + Báo cáo theo hợp đồng.

- * *Công nợ phải thu:*

- *Thông tin về nhà cung cấp*

- + Lưu trữ các thông tin liên hệ quan trọng về nhà cung cấp như địa chỉ, số điện thoại, số fax, người liên hệ, phân loại, thuế VAT, mã số thuế

+ Cung cấp thông tin về tình trạng công nợ phải trả với nhà cung cấp và bằng kỹ thuật drill-down truy ngược tới giao dịch gốc

+ Cho phép khai báo điều kiện tín dụng, hạn mức tín dụng và ngày hết hạn.

• *Quản lý mua hàng*

+ Cập nhật hợp đồng

+ Theo dõi thời hạn thanh toán của hóa đơn.

+ Các bút toán ghi nợ/ghi có và các giao dịch liên quan

+ Điều chỉnh công nợ phải trả thông qua các bút toán ghi nợ/ghi có

+ Cập nhật các chứng từ thanh toán tạm ứng.

• *Quản lý thanh toán*

+ Chứng từ thanh toán cho nhà cung cấp được cập nhật tại phân hệ kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng

+ Việc phân bổ chi tiền cho các hóa đơn mua hàng được thực hiện ở phân hệ kế toán công nợ phải trả

+ Việc phân bổ tiền thanh toán cho các hóa đơn có thể thực hiện trực tiếp cho từng hóa đơn hoặc tự động theo các tiêu thức lựa chọn: nhận trước trả trước, đến hạn trước trả trước...

+ Cho phép phân bổ tiền thanh toán là các khoản trả trước hoặc trả sau

+ Tính lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ khi thanh toán liên quan đến ngoại tệ

+ Đánh giá lại công nợ ngoại tệ phải thu cho từng nhà cung cấp, từng hóa đơn.

• *Báo cáo*

+ Sổ chi tiết công nợ của nhà cung cấp

+ Báo cáo tổng hợp công nợ phải trả

+ Báo cáo công nợ chi tiết theo hoá đơn

+ Báo cáo công nợ chi tiết theo hoá đơn – chứng từ thanh toán

+ Báo cáo phân tích tuổi nợ các khoản phải trả

+ Báo cáo các khoản nợ quá hạn, sắp đến hạn thanh toán

- + Báo cáo mua hàng, trả lại nhà cung cấp
- + Báo cáo theo hợp đồng.

KẾT LUẬN

Kế toán thanh toán với người mua, người bán có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của Doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán với khách hàng sẽ giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp.

Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Sơn Trường em đã nhận ra tầm quan trọng của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán. Khóa luận đã đề cập đến vấn đề lý luận chung và đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty.

Do kinh nghiệm thực tế thiếu sót, em mong nhận được sự chỉ bảo của thầy cô để khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, anh chị trong phòng kế toán của công ty TNHH Sơn Trường và sự hướng dẫn của Th.S. Trần Thị Thanh Phương để em hoàn thiện bài khóa luận tốt nghiệp này. Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thị Loan (2011) , *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh Tế Quốc Dân .
2. Thông tư số 200/2014/TT-BTC, nhà xuất bản tài chính.
3. Thông tư TT228/TT-BTC, bộ tài chính.
4. Tài liệu kế toán (2018) , Công Ty TNHH Sơn Trường

